

LỜI GIỚI THIỆU

Nước sạch là một loại hàng hóa đặc biệt, có tác động trực tiếp đến sức khỏe và mọi hoạt động thiết yếu khác của cuộc sống con người và phát triển kinh tế - xã hội.

Tùy theo điều kiện kinh tế - chính trị - xã hội của mỗi nước, đa số Chính phủ hoặc cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức quản lý, sở hữu tài sản công trình cấp nước như Nhật, Hàn Quốc, Úc, Malaysia..., một số nước giao cho khối tư nhân thực hiện như Anh, Estonia... và quy định các chính sách để kiểm soát hoạt động cấp nước của doanh nghiệp tư nhân. Nhìn chung, Chính phủ các nước quan tâm đến việc cung cấp nước cho sinh hoạt và phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quyền được sử dụng nước sạch hay quyền được tiếp cận nước sạch của người dân.

Tại Việt Nam, hiện nay văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao nhất điều chỉnh hoạt động cấp nước là Nghị định đang chịu chi phối các tác động lĩnh vực khác có hiệu lực pháp lý cao hơn là Luật. Các Luật hiện hành liên quan đến quản lý, đầu tư phát triển cấp nước như: Luật Xây dựng, Luật Quy hoạch đô thị, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Tài nguyên nước, Luật An toàn thực phẩm, Luật Bảo vệ người tiêu dùng, Luật Doanh nghiệp... nhưng chưa có các nội dung quy định về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch bao gồm: mô hình tổ chức quản lý cấp nước; trách nhiệm quản lý nhà nước về cấp nước; quản lý dịch vụ cấp nước; điều tiết các mối quan hệ trong hoạt động cấp nước; kiểm soát tài sản công trình cấp nước và bảo đảm an ninh, an toàn cấp nước. Vì vậy, việc sớm ban hành Luật Cấp nước là hết sức cần thiết làm công cụ pháp lý quản lý thống nhất, có hiệu lực cao, đồng bộ điều chỉnh toàn diện các hoạt động liên quan đến sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch.

Thực hiện nhiệm vụ được Quốc hội, Chính phủ giao, hiện nay Bộ Xây dựng đang tích cực nghiên cứu, biên soạn dự thảo Luật Cấp nước. Để cung cấp thông tin tham khảo cho việc xây dựng Luật Cấp nước, Trung tâm Thông tin đã sưu tầm, biên dịch và biên soạn cuốn Tổng luận “Luật cấp nước và lắp đặt hệ thống cấp nước của Hàn Quốc” với hi vọng cung cấp thêm cho Bộ Xây dựng kinh nghiệm của nước ngoài trong việc xây dựng thể chế trong lĩnh vực cấp nước.

LUẬT CẤP NƯỚC VÀ LẮP ĐẶT HỆ THỐNG CẤP NƯỚC HÀN QUỐC

Luật số 17326, có hiệu lực thi hành từ ngày 26/5/2020

CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1 (Mục đích)

Luật này được ban hành nhằm cải thiện điều kiện vệ sinh công cộng, góp phần cải thiện môi trường sống, thông qua việc xây dựng một kế hoạch tổng thể về cấp nước và lắp đặt hệ thống cấp nước, triển khai lắp đặt và quản lý hệ thống cấp nước một cách thích hợp và hiệu quả.

Điều 2 (Trách nhiệm)

(1) Nhằm cung cấp nguồn nước chất lượng cao cho mọi người dân, Nhà nước phải xây dựng kế hoạch tổng thể về cấp nước và lắp đặt hệ thống cấp nước, với những giải pháp thực hiện phù hợp, và nỗ lực cung cấp các hỗ trợ về tài chính và kỹ thuật cho các đơn vị khai thác kinh doanh hệ thống cấp nước (công ty cấp nước).

(2) Thị trưởng Thành phố đặc biệt, Thị trưởng Thành phố thủ phủ, Thị trưởng Thành phố tự trị đặc biệt, Tỉnh trưởng hoặc Tỉnh trưởng tỉnh tự trị đặc biệt (Thị trưởng/Tỉnh trưởng), và lãnh đạo các thành phố/quận/huyện (bao gồm quận trưởng quận tự trị) có trách nhiệm nỗ lực quản lý các nguồn nước nhằm cung cấp nguồn nước có chất lượng tốt cho người dân trên địa bàn quản lý của mình. *(Được sửa đổi ngày 25/10/2010; ngày 14/11/2011)*

(3) Thị trưởng Thành phố đặc biệt, Thị trưởng Thành phố thủ phủ, Thị trưởng Thành phố tự trị đặc biệt, Tỉnh trưởng tỉnh tự trị đặc biệt và lãnh đạo các thành phố/quận/huyện (không gồm các huyện thuộc Thành phố thủ phủ) phải nỗ lực quản lý các công trình cấp nước nhằm cung cấp nước máy một cách bền vững cho người dân trên địa bàn quản lý của mình, đồng thời, các Tỉnh trưởng có trách nhiệm hỗ trợ về mặt kỹ thuật và tài chính cho các công ty cấp nước trên địa bàn quản lý của mình. *(Được sửa đổi ngày 25/10/2010; ngày 14/11/2011)*

(4) Các công ty cấp nước có trách nhiệm đảm bảo duy trì vận hành ổn định hệ thống cấp nước, quản lý các công trình cấp nước một cách thích hợp và nỗ lực cung cấp nước máy an toàn và bền vững.

(5) Mọi người dân có trách nhiệm phối hợp với các giải pháp cấp nước và lắp đặt hệ thống cấp nước do Nhà nước đưa ra và thực hiện, và đóng góp cho việc phổ cập nước máy.

(6) Nhà nước, chính quyền địa phương và các công ty cấp nước cùng góp phần phổ cập nước máy cho mọi người dân, bao gồm cả người nghèo, và nỗ lực nâng cao nhận thức về nước máy và tỷ lệ sử dụng nước máy. (Được bổ sung mới từ ngày 25/10/2010; ngày 26/11/2019)

Điều 3 (Các thuật ngữ)

Các thuật ngữ sử dụng trong Luật này được định nghĩa như sau: (Được sửa đổi ngày 29/2/2008; ngày 25/10/2010; ngày 28/7/2011; ngày 14/11/2011; ngày 23/3/2013; ngày 30/12/2013; ngày 8/6/2018; ngày 26/11/2019; ngày 31/3/2020; ngày 26/5/2020)

1. “Nước thô” được hiểu là nước tự nhiên được dùng cho mục đích sinh hoạt hoặc công nghiệp: ngoại trừ nước dùng cho sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản theo khoản 3, Điều 2 Luật Phát triển Nông nghiệp và Thủy sản; tuy nhiên, nước đó sẽ được coi là nước thô khi Bộ trưởng Bộ Môi trường quyết định sử dụng nước đó như nước thô sau khi tham vấn ý kiến của Bộ Nông nghiệp, Thực phẩm và Nông thôn hoặc Bộ Đại dương và Thủy sản trong trường hợp khẩn cấp, ví dụ như hạn hán, theo quy định của Sắc lệnh của Tổng thống;

2. “Nguồn nước” có nghĩa là các sông, hồ, đầm lầy, nước ngầm, nước biển v.v trong khu vực lắp đặt các công trình lấy nước để cung cấp nước cho mục đích sinh hoạt hoặc công nghiệp;

3. “Nguồn nước diện rộng” là nguồn cung cấp nước cho từ hai địa phương trở lên.

4. “Nước đã qua xử lý” là nước đã được xử lý đúng cách dùng cho sinh hoạt hoặc sử dụng trong công nghiệp.

5. “Hệ thống cấp nước” là toàn bộ cơ sở vật chất, thiết bị, đường ống... dùng cho việc cung cấp nước thô hoặc nước đã qua xử lý. Hệ thống cấp nước được phân loại thành: “hệ thống cấp nước sinh hoạt”, “hệ thống cấp nước công nghiệp” và “hệ thống cấp nước chuyên dụng”: không bao gồm các hệ thống cấp nước được lắp đặt cho mục đích sử dụng tạm thời và cơ sở hạ tầng nông nghiệp theo khoản 6, Điều 2, Luật Phát triển Nông nghiệp và Thủy sản;

6. “Hệ thống cấp nước sinh hoạt” là các hệ thống cấp nước diện rộng, hệ thống cấp nước địa phương, hệ thống cấp nước xã.

7. “Hệ thống cấp nước diện rộng” là các hệ thống cấp nước sinh hoạt do Nhà nước, chính quyền địa phương, Tổng Công ty Tài nguyên nước Hàn Quốc vận hành hoặc do một đơn vị khác vận hành được Bộ trưởng Bộ Môi trường cấp giấy phép cung cấp nước thô hoặc nước sạch cho từ 02 địa phương trở lên (bao gồm cả các khu vực cấp nước khác theo khoản (4), Điều 43). Trong các trường hợp đó, quy mô của hệ thống cấp nước diện rộng do Nhà nước hoặc chính quyền địa phương lắp đặt được quy định tại Nghị định của Tổng thống.

8. “Hệ thống cấp nước địa phương” là hệ thống cấp nước sinh hoạt, không bao gồm hệ thống cấp nước diện rộng và hệ thống cấp nước xã, do chính quyền địa phương vận hành để cung cấp nước thô hoặc nước đã qua xử lý cho người dân trên địa bàn và cho chính quyền hoặc người dân của các địa bàn lân cận.

9. “Hệ thống cấp nước xã” là hệ thống cấp nước được quy định tại Nghị định của Tổng thống, do chính quyền địa phương vận hành để cung cấp nước đã qua xử lý với công suất từ 20-500m³/ngày cho 100-2.500 dân hoặc các hệ thống cấp nước có quy mô tương tự theo quyết định của Thị trưởng thành phố đặc biệt, Thị trưởng thành phố thủ phủ, Thị trưởng thành phố tự trị đặc biệt, Tỉnh trưởng tỉnh tự trị đặc biệt hoặc người đứng đầu các thành phố/huyện (không bao gồm người đứng đầu các huyện của Thành phố thủ phủ).

10. “Hệ thống cấp nước công nghiệp” là hệ thống cấp nước do các đơn vị kinh doanh hệ thống cấp nước công nghiệp vận hành để cung cấp nước thô hoặc nước đã qua xử lý thích hợp cho mục đích sử dụng công nghiệp;

11. “Hệ thống cấp nước chuyên dụng” là các hệ thống cấp nước sinh hoạt chuyên dụng và hệ thống cấp nước công nghiệp chuyên dụng;

12. “Hệ thống cấp nước sinh hoạt chuyên dụng” là hệ thống cấp nước sinh hoạt dùng riêng tại các ký túc xá, khu nhà ở cán bộ công nhân viên, cơ sở điều dưỡng hoặc các cơ sở khác có sức chứa tối thiểu 100 người, và các hệ thống cấp nước khác, ngoại trừ hệ thống cấp nước của công ty cấp nước, đảm nhiệm việc cung cấp nước thô hoặc nước sạch cho tối thiểu 100 người nhưng không vượt quá 5.000 người (tính cả số người vắng lai đến nhà thờ, trường học...): không bao gồm các hệ thống cấp nước có năng lực cấp nước/ngày và quy mô công trình không đáp ứng tiêu chí quy định tại Nghị định của Tổng thống trong số các hệ thống cấp nước lấy nước chỉ cấp nước từ một hệ thống cấp nước khác;

13. “Hệ thống cấp nước công nghiệp chuyên dụng” là hệ thống cấp nước nước thô hoặc nước đã qua xử lý thích hợp cho mục đích sử dụng công nghiệp, nhưng không phải là hệ thống cấp nước do công ty cấp nước vận hành: không bao gồm các hệ thống cấp nước có năng lực cấp nước/ngày và quy mô công trình không đáp ứng tiêu chí quy định tại Nghị định của Tổng thống trong số các hệ thống cấp nước chỉ cấp nước từ một hệ thống cấp nước khác;

14. “Hệ thống cấp nước nhỏ” là các hệ thống cấp nước do Thị trường Thành phố đặc biệt, Thị trường thành phố thủ phủ, Thị trường thành phố tự trị đặc biệt, Tỉnh trưởng tỉnh tự trị đặc biệt và người đứng đầu các thành phố thuộc tỉnh/huyện (không bao gồm người đứng đầu các huyện của thành phố thủ phủ) chỉ định, thực hiện cấp nước cho dưới 100 dân hoặc có công suất cấp nước dưới $20\text{m}^3/\text{ngày}$, do người dân tự xây dựng và quản lý vận hành;

15. Đã bãi bỏ (ngày 25/5/2010);

16. Đã bãi bỏ (ngày 8/6/2010);

17. “Các công trình, thiết bị của hệ thống cấp nước” là các công trình nhận nước, trữ nước, đường ống vận chuyển nước thô, công trình lọc nước, công trình thoát nước, đường ống vận chuyển tải nước đã qua xử lý, thiết bị cấp nước chạng cuối, và các công trình, thiết bị khác của hệ thống cấp nước sử dụng cho mục đích cung cấp nước tự nhiên hoặc nước đã qua xử lý.

18. “Hoạt động cấp nước” là hoạt động kinh doanh, thông qua hệ thống cấp nước, nhằm cung cấp nước tự nhiên hoặc nước đã qua xử lý cho người tiêu dùng hoặc cho các công ty cấp nước khác, được chia thành kinh doanh nước sinh hoạt và kinh doanh nước công nghiệp.

19. “Hoạt động cấp nước sinh hoạt” là hoạt động khai thác, kinh doanh hệ thống cấp nước sinh hoạt nhằm cung cấp nước tự nhiên hoặc nước đã qua xử lý cho người tiêu dùng hoặc cho công ty cấp nước khác.

20. “Hoạt động cấp nước công nghiệp” là hoạt động khai thác, kinh doanh hệ thống cấp nước công nghiệp nhằm cung cấp nước thô hoặc nước đã qua xử lý cho người tiêu dùng hoặc cho công ty cấp nước khác;

21. “Công ty cấp nước” là công ty kinh doanh nước sinh hoạt và công ty kinh doanh nước công nghiệp;

22. “Công ty cấp nước sinh hoạt ” là công ty thực hiện hoạt động kinh doanh nước sinh hoạt sau khi được cấp giấy phép theo khoản (1) Điều 17;

23. “Công ty cấp nước công nghiệp” là công ty thực hiện hoạt động kinh doanh nước công nghiệp sau khi được cấp giấy phép theo khoản (1) Điều 49;

24. “Thiết bị cấp nước chặng cuối” là các đường ống cấp nước (bao gồm đường ống cấp nước trong nhà), đồng hồ nước, bể chứa nước, vòi nước và các thiết bị nước khác được kết nối với đường ống cấp nước do công ty cấp nước lắp đặt để cung cấp nước thô hoặc nước đã qua xử lý cho người tiêu dùng;

25. “Thi công xây dựng hệ thống cấp nước” là các hoạt động thi công xây dựng với mục đích lắp đặt mới, mở rộng hoặc nâng cấp, cải tạo hệ thống cấp nước;

26. “Quyền quản lý hệ thống cấp nước” là quyền quản lý và duy trì hệ thống cấp nước, quy định mức phí và thực hiện thu phí dịch vụ cấp nước từ các đối tượng thụ hưởng dịch vụ cung cấp nước thô hoặc nước đã qua xử lý được sản xuất từ hệ thống cấp nước liên quan.

27. “Cải tạo phục hồi” là hoạt động khôi phục chức năng dẫn nước của đường ống cấp nước bằng cách sơn phủ đường ống sau khi loại bỏ rỉ cặn và các tạp chất trong đường ống.

28. “Giám đốc vận hành công trình lọc nước có chứng chỉ” là người chịu trách nhiệm quản lý, vận hành công trình lọc nước sau khi được cấp chứng chỉ năng lực quy định tại Điều 24;

29. “Giám đốc vận hành mạng lưới đường ống cấp nước có chứng chỉ” là người chịu trách nhiệm quản lý, vận hành mạng lưới đường ống cấp nước và các thiết bị kèm theo (sau đây gọi là thiết bị của mạng lưới đường ống cấp nước) sau khi được cấp chứng chỉ năng lực quy định tại Điều 24;

30. “Thiết bị sử dụng nước” là các thiết bị sử dụng nước từ hệ thống cấp nước, ví dụ như máy giặt, máy rửa bát v.v;

31. “Vật dụng tiết kiệm nước” là các vật dụng cố định được quy định tại Thông tư của Bộ Môi trường, ví dụ như vòi nước, bồn cầu, được sản xuất đáp ứng các tiêu chuẩn của Bộ Môi trường về cấu trúc và đặc tính kỹ thuật v.v nhằm giúp người dân giảm được lượng nước sử dụng;

32. “Thiết bị tiết kiệm nước” là các thiết bị được lắp thêm vào các vật dụng cố định, ví dụ như vòi nước và bồn cầu, đáp ứng các tiêu chuẩn của Bộ Môi trường, nhằm giúp người dân giảm được lượng nước sử dụng;

32. “Công trình xử lý nước biển” là các công trình cấp nước sử dụng công nghệ khử mặn nước biển hoặc nước ngầm có chứa muối do nước biển xâm thực để cung cấp nước tinh khiết.

Điều 4. (Lập kế hoạch cơ sở về lắp đặt và quản lý các hệ thống cấp nước)

(1) Nhằm lắp đặt và quản lý các hệ thống cấp nước sinh hoạt và hệ thống cấp nước công nghiệp phù hợp và hợp lý, Bộ trưởng Bộ Môi trường, Thị trưởng thành phố đặc biệt, Thị trưởng thành phố thủ phủ, Thị trưởng thành phố tự trị đặc biệt, Tỉnh trưởng tỉnh tự trị đặc biệt, hoặc người đứng đầu thành phố /quận/huyện (không bao gồm người đứng đầu các huyện của các thành phố thủ phủ) phải lập kế hoạch cơ sở tổng thể về lắp đặt và quản lý hệ thống cấp nước (sau đây gọi là Kế hoạch sơ bộ về lắp đặt và quản lý hệ thống cấp nước) cho từng giai đoạn 10 năm, theo các quy định dưới đây: *(Được sửa đổi ngày 29/2/2008; ngày 25/5/2010; ngày 14/11/2011; ngày 23/3/2013; ngày 8/6/2018)*

1. Bộ trưởng Bộ Môi trường lập kế hoạch cơ sở về lắp đặt và quản lý các hệ thống cấp nước diện rộng và các hệ thống cấp nước công nghiệp do Nhà nước hoặc Tổng Công ty tài nguyên nước Hàn Quốc lắp đặt và quản lý;

2. Thị trưởng thành phố đặc biệt, Thị trưởng thành phố thủ phủ, Thị trưởng thành phố tự trị đặc biệt, Tỉnh trưởng tỉnh tự trị đặc biệt hoặc người đứng đầu thành phố/quận/huyện (không bao gồm người đứng đầu các huyện của thành phố thủ phủ) lập kế hoạch cơ sở về lắp đặt và quản lý các hệ thống cấp nước sinh hoạt và hệ thống cấp nước công nghiệp do địa phương mình lắp đặt và quản lý.

(2) Khi lập kế hoạch cơ sở về lắp đặt và quản lý các hệ thống cấp nước theo mục 1, khoản (1), Bộ trưởng Bộ Môi trường phải tham vấn ý kiến của các Thị trưởng/Tỉnh trưởng và người đứng đầu các cơ quan hành chính trung ương có liên quan. Quy định này cũng áp dụng khi Bộ trưởng Bộ Môi trường sửa đổi kế hoạch cơ sở về lắp đặt và quản lý các hệ thống cấp nước đã ban hành (không bao gồm việc sửa đổi những vấn đề nhỏ theo quy định tại Nghị định của Tổng thống). *(Được sửa đổi ngày 29/2/2008; ngày 23/3/2013; ngày 8/6/2018)*

(3) Thị trưởng thành phố đặc biệt, Thị trưởng thành phố thủ phủ, Thị trưởng thành phố tự trị đặc biệt, Tỉnh trưởng tỉnh tự trị đặc biệt hoặc người đứng đầu thành phố/huyện/quận/huyện (không bao gồm người đứng đầu các huyện của thành phố thủ phủ) khi dự định lập kế hoạch cơ sở về lắp đặt

và quản lý các hệ thống cấp nước thì phải được sự chấp thuận trước của Bộ trưởng Bộ Môi trường. Tương tự như vậy, khi sửa đổi những vấn đề quan trọng theo quy định tại Nghị định của Tổng thống trong kế hoạch cơ sở đã được ban hành phải xin ý kiến chấp thuận của Bộ trưởng Bộ Môi trường. (Được sửa đổi ngày 29/2/2008; ngày 25/5/2010; ngày 14/11/2011; ngày 23/3/2013; ngày 8/6/2018)

(4) Trường hợp Bộ trưởng Bộ Môi trường, Thị trưởng thành phố đặc biệt, Thị trưởng thành phố thủ phủ, Thị trưởng thành phố tự trị đặc biệt, Tỉnh trưởng tỉnh tự trị đặc biệt hoặc người đứng đầu thành phố/quận/huyện (không bao gồm người đứng đầu các huyện của thành phố thủ phủ) dự định lập hoặc sửa đổi kế hoạch cơ sở về lắp đặt và quản lý các hệ thống cấp nước theo các khoản từ (1) đến (3), thì phải đảm bảo việc kế hoạch đó phù hợp với quy hoạch chung của đô thị/quận/ huyện liên quan theo Điều 18, Luật Quy hoạch và sử dụng đất quốc gia. (Được sửa đổi ngày 29/2/2008; ngày 25/5/2010; ngày 14/11/2011; ngày 23/3/2013; ngày 8/6/2018)

(5) Trường hợp Bộ trưởng Bộ Môi trường, Thị trưởng thành phố đặc biệt, Thị trưởng thành phố thủ phủ, Thị trưởng thành phố tự trị đặc biệt, Tỉnh trưởng tỉnh tự trị đặc biệt hoặc người đứng đầu thành phố/quận/huyện (không bao gồm người đứng đầu các huyện của thành phố thủ phủ) lập hoặc sửa đổi kế hoạch cơ sở về lắp đặt và quản lý các hệ thống cấp nước theo các khoản từ (1) đến (3) thì phải thông báo công khai ngay kế hoạch đó; đồng thời phải báo cáo Bộ trưởng Bộ Môi trường các nội dung cụ thể của kế hoạch đó.

(6) Đối với trường hợp hệ thống cấp nước có phạm vi mở rộng trên địa bàn từ 2 hoặc nhiều Thành phố đặc biệt, Thành phố thủ phủ, Thành phố tự trị đặc biệt, Tỉnh tự trị đặc biệt và các thành phố/quận/huyện (không bao gồm huyện của Thành phố thủ phủ), hoặc tại những khu vực đặc thù, thì Tỉnh trưởng, Thị trưởng thành phố đặc biệt, Thị trưởng thành phố thủ phủ, Thị trưởng thành phố tự trị đặc biệt, Tỉnh trưởng tỉnh tự trị đặc biệt, hoặc người đứng đầu các thành phố/quận/huyện (không bao gồm huyện thuộc thành phố thủ phủ) sẽ lập kế hoạch cơ sở tổng thể về phát triển và quản lý các hệ thống cấp nước theo Nghị định của Tổng thống.

(7) Kế hoạch cơ sở về phát triển và quản lý hệ thống cấp nước phải bao gồm những nội dung dưới đây:

1. Định hướng tổng thể về phát triển và quản lý các hệ thống cấp nước (không bao gồm hệ thống cấp nước chuyên dụng);
2. Các vấn đề về cung cấp nước máy trung hạn và dài hạn;

3. Các vấn đề về phát triển các nguồn nước diện rộng;
4. Các vấn đề về địa điểm xây dựng nhà máy nước để cung cấp nước máy.
5. Bảo đảm nguồn nước cần thiết, khoanh vùng và quản lý khu vực bảo vệ nguồn nước
6. Các vấn đề về quy hoạch, xây dựng và thiết kế công suất các hệ thống cấp nước (không bao gồm hệ thống cấp nước chuyên dụng);
7. Bảo đảm nguồn tài chính cần thiết cho hoạt động của hệ thống cấp nước và các chính sách ưu đãi trong lĩnh vực kinh doanh cấp nước;
8. Các vấn đề cần thiết về khảo sát hiện trạng các đường ống nước, thay thế và sửa chữa các đường ống nước;
9. Đã bãi bỏ (*ngày 8/6/2010*);
10. Các vấn đề liên quan đến trạm cấp nước tích hợp tại các khu vực cần có sự phối hợp giữa các hệ thống cấp nước diện rộng và hệ thống cấp nước địa phương;
11. Các vấn đề liên quan đến cải thiện chất lượng nước máy;
12. Các vấn đề liên quan đến thông tin hóa các hệ thống cấp nước;
13. Các vấn đề cần thiết để nâng cấp các hệ thống cấp nước theo kết quả kiểm tra kỹ thuật theo khoản (1), Điều 74;
14. Các vấn đề liên quan đến hoạt động liên kết của các hệ thống cấp nước địa phương với các chính quyền địa phương lân cận.

(8) Đã bãi bỏ (*ngày 8/6/2010*);

(9) Sau 05 năm kể từ khi kế hoạch cơ sở về lắp đặt và quản lý các hệ thống cấp nước được công bố công khai theo khoản (5), Bộ trưởng Bộ Môi trường, Thị trưởng thành phố đặc biệt, Thị trưởng thành phố thủ phủ, Thị trưởng thành phố tự trị đặc biệt, Tỉnh trưởng tỉnh tự trị đặc biệt hoặc người đứng đầu các thành phố/quận/huyện (trừ người đứng đầu các huyện của các thành phố thủ phủ) phải tổng kết đánh giá hiệu quả thực hiện kế hoạch đó. (*Được sửa đổi ngày 29/2/2008; ngày 25/5/2010; ngày 14/11/2011; ngày 23/3/2013; ngày 8/6/2018*)

Điều 5. (Xây dựng Quy hoạch tổng thể hệ thống cấp nước quốc gia)

(1) Bộ trưởng Bộ Môi trường có trách nhiệm lập quy hoạch tổng thể hệ thống cấp nước quốc gia cho mỗi giai đoạn 10 năm (sau đây gọi là quy

hoạch tổng thể) dựa trên kế hoạch cơ sở về lắp đặt và quản lý các hệ thống cấp nước để xây dựng một cách có hệ thống các chính sách **cấp nước quốc gia**, sử dụng nước hiệu quả và cung cấp nước máy bền vững.

(2) Quy hoạch tổng thể phải bao gồm các nội dung sau:

1. Các vấn đề liên quan đến điều kiện cung cấp nước, ví dụ như dân số, công nghiệp và đất đai;
2. Dự báo nhu cầu sử dụng nước máy
3. Mục tiêu cấp nước, hướng dẫn kỹ thuật về các **hệ thống cấp nước**;
4. Dự báo nhu cầu và kế hoạch phát triển các **hệ thống cấp nước** diện rộng;
5. Dự báo nhu cầu và kế hoạch phát triển các **hệ thống cấp nước** địa phương;
6. Dự báo nhu cầu và kế hoạch phát triển các hệ thống cấp nước xã;
7. Dự báo nhu cầu và kế hoạch phát triển cấp nước hộ gia đình cho các xã nông nghiệp và ngư nghiệp;
8. Dự báo nhu cầu và kế hoạch phát triển các **hệ thống cấp nước** công nghiệp;
9. Bảo đảm nguồn nước và kế hoạch phát triển các nguồn nước thay thế;
10. Kế hoạch cải tạo và thay thế các **hệ thống cấp nước** hiện có;
11. Đã bãi bỏ (*ngày 8/6/2010*);
12. Kế hoạch cải thiện hệ thống quản lý kinh doanh cấp nước;
13. Kế hoạch cải tiến công nghệ cấp nước;
14. Bảo đảm nguồn nhân lực chuyên ngành cấp thoát nước và các kế hoạch giáo dục, đào tạo;
15. Tổng mức đầu tư cho các **hệ thống cấp nước** và kế hoạch huy động vốn;
16. Các vấn đề về nâng cao chất lượng nước máy;
17. Các vấn đề về thông tin hóa các **hệ thống cấp nước**;
18. Các vấn đề về vận hành phối hợp giữa các **hệ thống cấp nước**;
19. Các vấn đề liên quan đến việc thiết lập một hệ thống ứng phó sự cố ô nhiễm nước máy.

(3) Bộ trưởng Bộ Môi trường có quyền yêu cầu thủ trưởng các cơ quan hành chính liên quan ở Trung ương, Thị trưởng/Tỉnh trưởng, người đứng đầu các cơ quan hoặc tổ chức liên quan cung cấp các tài liệu cần thiết cho việc lập quy hoạch tổng thể **hệ thống cấp nước** quốc gia.

(4) Trong quá trình lập quy hoạch tổng thể hệ thống cấp nước quốc gia, Bộ trưởng Bộ Môi trường phải lấy ý kiến của thủ trưởng các cơ quan hành chính liên quan ở Trung ương, Thị trưởng/Tỉnh trưởng (sau đây gọi chung là người đứng đầu cơ quan liên quan), và thông báo với người đứng đầu các cơ quan liên quan về quy hoạch đó.

(5) Trong trường hợp sửa đổi những nội dung quan trọng trong quy hoạch tổng thể hệ thống cấp nước quốc gia do có sự thay đổi chính sách cấp nước..., Bộ trưởng Bộ Môi trường có thể yêu cầu Thị trưởng thành phố đặc biệt, Thị trưởng thành phố trực thuộc trung ương, Thị trưởng thành phố tự trị đặc biệt, Tỉnh trưởng tỉnh tự trị đặc biệt hoặc người đứng đầu các thành phố/quận/huyện (trừ người đứng đầu huyện của thành phố thủ phủ) tiến hành điều chỉnh kế hoạch cơ sở về lắp đặt và quản lý các hệ thống cấp nước của họ. (Được sửa đổi ngày 29/2/2008; ngày 25/5/2010; ngày 14/11/2011; ngày 23/3/2013; ngày 8/6/2018)

(6) Bộ trưởng Bộ Môi trường phải xem xét tính khả thi của quy hoạch tổng thể và tiến hành điều chỉnh quy hoạch cho phù hợp sau 5 năm kể từ khi quy hoạch tổng thể có hiệu lực thực hiện.

(7) Quy hoạch tổng thể do Bộ trưởng Bộ Môi trường lập theo khoản (1) hoặc sửa đổi theo khoản (6) sẽ được công bố công khai trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Môi trường.

Điều 6. (Triển khai hệ thống mục tiêu kiểm soát nhu cầu nước)

(1) Nhằm nâng cao hiệu quả của các dịch vụ cấp nước và tăng cường kiểm soát nhu cầu sử dụng nước máy, Thị trưởng/Tỉnh trưởng sẽ đặt mục tiêu kiểm soát nhu cầu nước đối với từng thành phố/quận/huyện (bao gồm cả huyện tự trị) trong phạm vi quản lý của mình, có tính đến lượng nước tiêu thụ bình quân đầu người phù hợp, đồng thời xây dựng một kế hoạch tổng thể để thực hiện các mục tiêu đó cho mỗi giai đoạn 5 năm trình Bộ trưởng Bộ Môi trường phê duyệt, tương tự như vậy đối với trường hợp sửa đổi kế hoạch tổng thể đã được ban hành.

(2) Người đứng đầu thành phố/quận/huyện phải xây dựng một chương trình thực hiện kế hoạch tổng thể (sau đây gọi là chương trình hành động) và trình Thị trưởng/Tỉnh trưởng phê duyệt. Quy trình tương tự cũng được áp dụng đối với trường hợp điều chỉnh chương trình hành động.

Riêng đối với Thành phố đặc biệt, Thành phố thủ phủ hoặc Thành phố tự trị đặc biệt, Thị trưởng là người chịu trách nhiệm xây dựng và triển khai chương trình hành động thực hiện kế hoạch tổng thể liên quan đến các vấn đề tại điểm 1 và 2 dưới đây: *(Được sửa đổi ngày 8/6/2010; ngày 14/11/2011; ngày 26/11/2019)*

1. Mục tiêu giảm thất thoát nước sạch hàng năm và kế hoạch thực hiện;
2. Mục tiêu tăng lượng nước cấp hàng năm (đề cập đến khối lượng nước cấp có doanh thu trên tổng khối lượng nước sản xuất ra) và kế hoạch thực hiện;
3. Mục tiêu hàng năm về tăng cường lắp đặt các thiết bị tiết kiệm nước, bao gồm cả **thiết bị tiết kiệm nước** và **hệ thống lọc để tái sử dụng nước**;
4. Các vấn đề khác theo quy định tại Nghị định của Tổng thống về tiết kiệm nước và nâng cao hiệu quả sử dụng nước.

*(3) Đối với các thành phố/quận/huyện không đạt được mục tiêu kiểm soát nhu cầu nước theo khoản (1), Bộ trưởng Bộ Môi trường và thủ trưởng các cơ quan hành chính liên quan có thể quyết định không phê duyệt, không cấp phép v.v cho các dự án hoặc các hoạt động dưới đây sẽ được thực hiện hoặc thực hiện bởi các thành phố/quận/huyện có liên quan. Điều tương tự cũng áp dụng đối với Thành phố đặc biệt, Thành phố trực thủ phủ, Thành phố tự trị đặc biệt, Tỉnh và Tỉnh tự trị đặc biệt (gọi chung là tỉnh/thành phố) và các thành phố/quận/huyện không trình phê duyệt kế hoạch tổng thể và chương trình thực hiện kế hoạch tổng thể tương ứng mà không có lý do chính đáng: *(Được sửa đổi ngày 25/5/2010; ngày 14/11/2011)**

1. Hoạt động kinh doanh cấp nước sinh hoạt;
2. Các dự án phát triển đô thị, phát triển cụm công nghiệp, khu du lịch, v.v

(4) Bộ trưởng Bộ Môi trường và thủ trưởng các cơ quan hành chính trung ương có liên quan có thể có các chính sách hỗ trợ khác nhau cho các thành phố/quận/huyện dựa trên mức độ hoàn thành các mục tiêu kiểm soát nhu cầu sử dụng nước tại khoản (1).

Điều 7 (Chỉ định khu vực bảo vệ nguồn nước)

(1) Để bảo vệ nguồn nước cũng như chất lượng nước, Bộ trưởng Bộ Môi trường có thể chỉ định một khu vực làm khu vực bảo vệ nguồn nước

(sau đây gọi là khu vực bảo vệ nguồn nước) hoặc có thể thay đổi sự chỉ định đó.

(2) Khi Bộ trưởng Bộ Môi trường chỉ định hoặc thay đổi chỉ định một khu vực làm khu vực bảo vệ nguồn nước theo khoản (1) thì phải công bố công khai chỉ định hoặc thay đổi chỉ định đó.

(3) Trong khu vực bảo vệ nguồn nước được chỉ định và công bố công khai theo khoản (1) và (2), nghiêm cấm thực hiện các hoạt động dưới đây: *(Được sửa đổi ngày 17/5/2007; ngày 28/6/2011; ngày 14/11/2011; ngày 4/6/2013; ngày 17/2/2017)*

1. Sử dụng hoặc đổ chất gây ô nhiễm nguồn nước hoặc các chất gây ảnh hưởng đến chất lượng nước được quy định tại các điểm 7, và 8, Điều 2 của Luật Bảo vệ môi trường nước; các hóa chất độc hại theo quy định tại điểm 7, Điều 2 của Luật Quản lý hóa chất; thuốc bảo vệ thực vật quy định tại điểm 1, Điều 2 của Luật Quản lý thuốc bảo vệ thực vật; các chất thải quy định tại điểm 1, Điều 2 của Luật quản lý chất thải; nước thải và bùn thải quy định tại điểm 1 và 2 của Luật Thoát nước; hoặc phân gia súc quy định tại điểm 2, Điều 2 của Luật Quản lý và sử dụng phân gia súc;

2. Các hoạt động khác bị cấm theo quy định tại Nghị định của Tổng thống do có các nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước.

(4) Trong khu vực bảo vệ nguồn nước đã được chỉ định và công bố công khai theo khoản (1) và (2), các tổ chức, cá nhân có ý định thực hiện các hoạt động dưới đây phải được sự chấp thuận của Thị trưởng thành phố tự trị đặc biệt, Tỉnh trưởng tỉnh tự trị đặc biệt hoặc người đứng đầu thành phố/quận/huyện liên quan; nếu thực hiện các hoạt động gây tác động thấp theo quy định tại Nghị định của Tổng thống thì phải báo cáo những vấn đề đó: *(Được sửa đổi ngày 25/5/2010; ngày 28/6/2011; ngày 14/11/2011)*

1. Xây dựng, mở rộng, tu sửa, tái thiết, di dời, thay đổi mục đích sử dụng, tháo dỡ nhà cửa hoặc các kết cấu khác;

2. Trồng, chặt hạ tre và các loại cây trồng khác;

3. Đào, đắp hoặc làm thay đổi hình thái hoặc chất lượng đất.

(5) Thị trưởng thành phố tự trị đặc biệt, Tỉnh trưởng tỉnh tự trị đặc biệt, hoặc người đứng đầu thành phố/quận/huyện phải xem xét các nội dung của báo cáo theo khoản (4), chấp thuận nếu báo cáo đó tuân thủ các quy định của Luật này. *(Mới được bổ sung ngày 26/11/2019)*

(6) Thủ tục chỉ định khu vực bảo vệ nguồn nước và các vấn đề cần thiết đối với việc chấp thuận theo các khoản từ (1) đến (4) được quy định tại Nghị định của Tổng thống. *(Được sửa đổi ngày 27/12/2007; ngày 26/11/2019)*

Điều 7-2 (Hạn chế xây dựng nhà máy tại các khu vực không phải là khu vực bảo vệ nguồn nước)

(1) Các nhà máy được nêu tại điểm 1, Điều 2 của Luật phát triển nhà máy và cụm công nghiệp không được phép xây dựng tại các khu vực được quy định tại Nghị định của Tổng thống, như thượng nguồn của khu vực bảo vệ nguồn nước, khu vực phía trên hoặc phía dưới công trình nhận nước (công trình thu nước của hệ thống cấp nước diện rộng và hệ thống cấp nước địa phương).

(2) Trường hợp công trình thu nước theo khoản (1) trên địa bàn quản lý của Thị trường thành phố tự trị đặc biệt, Tỉnh trưởng tỉnh tự trị đặc biệt, hoặc người đứng đầu một thành phố/quận/huyện hoặc khi công trình thu nước đó không còn hoạt động, Thị trường thành phố tự trị đặc biệt, Tỉnh trưởng tỉnh tự trị đặc biệt hoặc người đứng đầu thành phố/quận/huyện liên quan phải thông báo công khai ngay việc đó theo quy định tại Thông tư của Bộ Môi trường. *(Được bổ sung mới ngày 30/12/2013).*

(3) Ngoài các quy định tại khoản (1), người đứng đầu thành phố/quận /huyện có thể chấp thuận cho phép xây dựng các nhà máy theo Thông tư của Bộ Môi trường tại các khu vực được quy định tại Nghị định của Tổng thống trong số các khu vực bị hạn chế phát triển, có xem xét các ảnh hưởng đến nguồn nước. Trường hợp khu vực bảo vệ nguồn nước nằm trên địa bàn thành phố/quận/huyện khác, thì phải xin ý kiến trước của người đứng đầu thành phố/quận/huyện liên quan. *(Được sửa đổi ngày 30/12/2013)*

(4) Tổ chức, cá nhân xây dựng nhà máy sau khi được chấp thuận cho phép theo khoản (3) phải tuân thủ các quy định về bảo vệ nguồn nước theo Thông tư của Bộ Môi trường. *(Được sửa đổi ngày 30/12/2013)*

Điều 7-3 (Thiết lập và vận hành Hệ thống thông tin quản lý nguồn nước)

(1) Bộ trưởng Bộ Môi trường cần thiết lập và vận hành một hệ thống quản lý thông tin nguồn nước với các nội dung dưới đây (sau đây gọi là hệ thống quản lý thông tin nguồn nước) để quản lý chất lượng nước trong khu vực bảo vệ nguồn nước và các khu vực hạn chế xây dựng nhà máy theo Điều 7-2:

1. Thông tin hiện trạng của hệ thống cấp nước và tình hình cấp nước, bao gồm cả công trình thu nước và lọc nước;

2. Thông tin hiện trạng của khu vực bảo vệ nguồn nước, tình trạng sử dụng đất, chất lượng nước, hàm lượng các chất ô nhiễm;

3. Thông tin hiện trạng của khu vực hạn chế xây dựng nhà máy theo Điều 7-2 và các khu vực được phép xây dựng nhà máy.

4. Thông tin về các vấn đề cần thiết khác liên quan đến việc kiểm soát chất lượng nước của các nguồn nước.

(2) Bộ trưởng Bộ Môi trường có quyền yêu cầu thủ trưởng các cơ quan hành chính trung ương, chính quyền địa phương, các tổ chức công lập theo Điều 4 của Luật Quản lý các Tổ chức công lập, hoặc các tổ chức khác có liên quan, cung cấp dữ liệu hoặc thông tin cần thiết. Trong trường hợp đó, thủ trưởng các cơ quan, tổ chức liên quan phải cung cấp thông tin khi nhận được yêu cầu, trừ trường hợp có lý do chính đáng.

(3) Những vấn đề cần thiết liên quan đến việc thiết lập và vận hành hệ thống quản lý thông tin nguồn nước được quy định tại Thông tư của Bộ Môi trường.

(Điều này được bổ sung ngày 24/3/2014)

Điều 8 (Quản lý khu vực bảo vệ nguồn nước)

(1) Thị trưởng thành phố tự trị đặc biệt, Tỉnh trưởng tỉnh tự trị đặc biệt hoặc người đứng đầu thành phố/quận/huyện có trách nhiệm quản lý khu vực bảo vệ nguồn nước trên địa bàn quản lý hành chính của mình.
(Được sửa đổi ngày 25/5/2011)

(2) Trường hợp khu vực bảo vệ nguồn nước nằm trên địa bàn của từ 2 thành phố/quận/huyện trở lên hoặc trong trường hợp có lý do đặc biệt, khu vực bảo vệ nguồn nước đó sẽ do Thị trưởng/Tỉnh trưởng hoặc người đứng đầu của một trong các thành phố/quận/huyện liên quan quản lý theo quy định tại Nghị định của Tổng thống.

(3) Bộ trưởng Bộ Môi trường có trách nhiệm đánh giá tình hình quản lý các khu vực bảo vệ nguồn nước theo quy định tại Thông tư của Bộ Môi trường và có quyền yêu cầu thủ trưởng các cơ quan hành chính liên quan thực hiện những biện pháp cần thiết để quản lý các khu vực bảo vệ nguồn nước.

Điều 8-2 (Kế hoạch kiểm soát chất lượng nước đối với các khu vực bảo vệ nguồn nước)

(1) Thị trưởng thành phố tự trị đặc biệt, Tỉnh trưởng tỉnh tự trị đặc biệt, hoặc người đứng đầu thành phố/quận/huyện phải ban hành và thực hiện các kế hoạch 5 năm về kiểm soát chất lượng nước đối với khu vực bảo vệ nguồn nước trên địa bàn do mình quản lý.

(2) Bộ trưởng Bộ Môi trường phải xem xét tính hợp lệ của kế hoạch kiểm soát chất lượng nước được ban hành theo khoản (1) và có quyền yêu cầu sửa đổi kế hoạch đó nếu thấy cần thiết.

(3) Bộ trưởng Bộ Môi trường phải đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch kiểm soát chất lượng nước được ban hành theo khoản (1) và yêu cầu Thị trưởng thành phố tự trị đặc biệt, Tỉnh trưởng tỉnh tự trị đặc biệt hoặc người đứng đầu của thành phố/quận/huyện liên quan triển khai các biện pháp cần thiết.

(Điều này được bổ sung ngày 30/12/2013)

Điều 9 (Chương trình hỗ trợ người dân)

(1) Thị trưởng/Tỉnh trưởng hoặc người đứng đầu các thành phố/quận/huyện (sau đây, từ Điều này đến Điều 11 gọi là “cơ quan quản lý”) quản lý các khu vực bảo vệ nguồn nước quy định tại khoản (1) và (2) Điều 8, có thể xây dựng và thực hiện các chương trình hỗ trợ người dân sinh sống trong các khu vực bảo vệ nguồn nước và những người làm nghề nuôi trồng và đánh bắt cá trong khu vực đó (sau đây gọi là “chương trình hỗ trợ người dân”) theo quy định tại Nghị định của Tổng thống. Trong các trường hợp như vậy, người đứng đầu thành phố/quận/huyện phải được sự chấp thuận của Thị trưởng/Tỉnh trưởng.

(2) Các loại chương trình hỗ trợ người dân bao gồm:

1. Chương trình cải thiện thu nhập cho người dân;
2. Chương trình nâng cao phúc lợi cho người dân;
3. Chương trình giáo dục cho con em cư dân;
4. Các chương trình khác theo quy định tại Nghị định của Tổng thống.

(3) Trình tự thủ tục xây dựng và thực hiện các chương trình hỗ trợ người dân và những vấn đề cần thiết khác được quy định tại Nghị định của Tổng thống.

Điều 10 (Kinh phí cho các chương trình hỗ trợ người dân)

(1) Nguồn kinh phí cho các chương trình hỗ trợ người dân sẽ do cơ quan quản lý huy động từ các nguồn tài chính dưới đây:

1. Nguồn kinh phí đóng góp của các công ty cấp nước được hưởng lợi từ quyết định lựa chọn khu vực bảo vệ nguồn nước;
2. Nguồn vốn vay;
3. Lợi nhuận từ việc quản lý số tiền được huy động theo điểm 1 và 2;
4. Nguồn phân bổ ngân sách của chính quyền địa phương và các nguồn kinh phí khác.

(2) Công ty cấp nước theo điểm 1, khoản (1) phải trích nộp một phần lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ quy định tại Nghị định của Tổng thống.

(3) Nhà nước có thể phân bổ một khoản trợ cấp từ Quỹ Cải thiện Môi trường để trang trải một phần chi phí cần thiết, tùy theo số tiền huy động được theo khoản (1) và những chi phí cần thiết.

(4) Cơ quan quản lý phải tách nguồn kinh phí huy động được theo khoản (1) với các nguồn khác và quản lý kinh phí theo các khoản mục riêng.

Điều 11 (Gánh chịu chi phí phát sinh trong việc quản lý khu vực bảo vệ nguồn nước)

(1) Công ty cấp nước hưởng lợi từ việc chỉ định và quản lý khu vực bảo vệ nguồn nước phải gánh chịu các chi phí phát sinh trong việc quản lý khu vực bảo vệ nguồn nước và vận hành các công trình phòng ngừa ô nhiễm nước theo quy định tại Nghị định của Tổng thống, trong giới hạn lợi nhuận thu được và theo tỷ lệ gánh chịu chi phí do Nghị định của Tổng thống quy định, sau khi tham vấn cơ quan quản lý khu vực bảo vệ nguồn nước liên quan. *(Được sửa đổi ngày 28/7/2011)*

(2) Trong trường hợp việc tham vấn theo khoản (1) không đạt được thỏa thuận, có thể xác định mức chi phí mà doanh nghiệp cấp nước phải gánh chịu theo một trong các cách dưới đây:

1. Trường hợp các thành phố/quận/huyện liên quan thuộc địa bàn quản lý của cùng một thành phố/tỉnh, Thị trưởng/Tỉnh trưởng sẽ quyết định.

2. Trường hợp các thành phố/quận/huyện liên quan thuộc địa bàn quản lý của các thành phố/tỉnh khác nhau, Thị trưởng/tỉnh trưởng của các thành phố/tỉnh liên quan sẽ tham vấn và quyết định

3. Trường hợp công ty cấp nước không thuộc chính quyền địa phương, mức gánh chịu chi phí sẽ được xác định thông qua việc tham vấn

giữa công ty cấp nước và thị trường/tỉnh trường quản lý khu vực bảo vệ nguồn nước liên quan.

(3) Trong trường hợp việc tham vấn theo điểm 2 và 3 của khoản (2) không đạt được thỏa thuận, Bộ trưởng Bộ Nội vụ và An ninh sẽ quyết định mức chi phí sau khi lấy ý kiến Thị trường/Tỉnh trường liên quan và ý kiến của thủ trưởng cơ quan hành chính trung ương có liên quan. (*Được sửa đổi ngày 29/2/2008; 23/3/2013; 19/11/2014; 26/7/2017*)

Điều 12 (Nguyên tắc quản lý đối với hoạt động cấp nước)

(1) Hoạt động cấp nước về nguyên tắc do Nhà nước, chính quyền địa phương và Tổng công ty Tài nguyên nước Hàn Quốc quản lý. Tuy nhiên, điều này không áp dụng khi việc cung cấp nước máy của công ty tư nhân thay cho chính quyền địa phương v.v được coi là cần thiết.

(2) Công ty cấp nước phải nỗ lực xây dựng biểu giá nước dựa trên các tính toán chi phí hợp lý, để bảo đảm duy trì và phát triển mở rộng hệ thống cấp nước và cải tiến công nghệ cấp nước.

(3) Khi xây dựng biểu giá nước theo khoản (2), công ty cấp nước phải tuyên truyền, hướng dẫn khách hàng sử dụng nước tiết kiệm, sử dụng hiệu quả nguồn thu từ tiền nước và các nguồn tài chính khác cần thiết cho việc bảo đảm cấp nước liên tục và ổn định.

(4) Trong trường hợp chính quyền địa phương là đơn vị cấp nước thì phải nỗ lực nâng cao hiệu quả quản lý thông qua hoạt động liên kết v.v với các công ty cấp nước khác và cải thiện năng lực tự cấp nước bằng việc bảo đảm và bảo vệ nguồn nước trên địa bàn quản lý của mình. (*Được bổ sung ngày 26/11/2019*)

Điều 13 (Cấm các hoạt động trục lợi)

(1) Nghiêm cấm việc kinh doanh nước máy sau khi đóng chai nước máy hoặc xử lý lại nước máy bằng thiết bị.

(2) Bộ trưởng Bộ Môi trường, Thị trường thành phố đặc biệt, Thị trường thành phố thủ phủ, Thị trường thành phố tự trị đặc biệt và người đứng đầu thành phố/quận/huyện (trừ người đứng đầu huyện thuộc thành phố thủ phủ) phải thực hiện các biện pháp cần thiết để đình chỉ việc cung cấp nước máy và tịch thu thiết bị đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm khoản (1). (*Được sửa đổi ngày 14/11/2011*)

Điều 14 (Chứng nhận đối với vật tư, sản phẩm dùng cho hệ thống cấp nước)

(1) Tổ chức, cá nhân dự định sản xuất hoặc nhập khẩu các loại vật tư hoặc sản phẩm dùng cho hệ thống cấp nước mà có tiếp xúc trực tiếp với nước (không bao gồm công trình thu nước, bể chứa nước, đường ống vận chuyển nước thô) phải được Bộ trưởng Bộ Môi trường cấp giấy chứng nhận về việc các vật tư và sản phẩm đó đáp ứng tiêu chuẩn vệ sinh và an toàn theo quy định tại Nghị định của Tổng thống.

(2) Nghiêm cấm các tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, cung ứng hoặc kinh doanh các loại vật tư hoặc sản phẩm dùng cho hệ thống cấp nước trong các trường hợp dưới đây: không áp dụng khoản này đối với các chủ thể được quy định tại Thông tư của Bộ Tư pháp, ví dụ như các trường học hoặc viện nghiên cứu sản xuất hoặc nhập khẩu vật tư hoặc sản phẩm dùng cho hệ thống cấp nước để phục vụ mục đích thí nghiệm hoặc nghiên cứu. (Được sửa đổi ngày 12/12/2017)

1. Chưa được cấp giấy chứng nhận theo khoản (1);

2. Các vật tư hoặc sản phẩm không đáp ứng các tiêu chuẩn tại khoản (8) theo kết quả kiểm tra định kỳ theo khoản (6) hoặc kiểm tra đột xuất theo khoản (7).

(3) Tổ chức, cá nhân dự định lắp đặt hệ thống cấp nước sinh hoạt hoặc hệ thống cấp nước chuyên dụng phải sử dụng các vật tư, sản phẩm dùng cho hệ thống cấp nước đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại Nghị định của Tổng thống, và phải sử dụng các vật tư, sản phẩm đã được cấp giấy chứng nhận theo khoản (1) đối với các vật tư, sản phẩm tiếp xúc trực tiếp với nước.

(4) Tổ chức, cá nhân được Bộ trưởng Bộ Môi trường cấp giấy chứng nhận theo khoản (1) phải thể hiện giấy chứng đó lên vật tư hoặc sản phẩm dùng cho hệ thống cấp nước, hoặc trên bao bì của các vật tư, sản phẩm đó.

(5) Nghiêm cấm dán nhãn chứng nhận lên vật tư hoặc sản phẩm dùng cho hệ thống cấp nước cũng như trên bao bì của các vật tư, sản phẩm đó khi chưa được cấp giấy chứng nhận theo khoản (1).

(6) Bộ trưởng Bộ Môi trường phải tiến hành các cuộc kiểm tra định kỳ đơn vị được cấp giấy chứng nhận đối với các vật tư, sản phẩm dùng cho hệ thống cấp nước. (Được bổ sung ngày 30/12/2013; ngày 26/11/2019)

(7) Bộ trưởng Bộ Môi trường có thể kiểm tra (kiểm tra đột xuất) đối với đơn vị được cấp giấy chứng nhận theo khoản (1) trong các trường hợp quy định tại Thông tư của Bộ Môi trường, ví dụ như gây thiệt hại cho khách hàng hoặc có khả năng gây thiệt hại cho khách hàng do chất lượng

của vật tư hoặc sản phẩm dùng cho hệ thống cấp nước bị suy giảm. (Được bổ sung ngày 30/12/2013; ngày 12/12/2017; ngày 26/11/2019)

(8) Bộ Môi trường ban hành Thông tư quy định các vấn đề dưới đây: (Được bổ sung ngày 12/12/2017; ngày 26/11/2019)

1. Danh mục vật tư và sản phẩm dùng cho hệ thống cấp nước phải có giấy chứng nhận theo khoản (1); phương pháp và thủ tục chứng nhận, lệ phí cấp giấy chứng nhận;

2. Phương pháp dán nhãn theo khoản (4)

3. Tần suất kiểm tra định kỳ theo khoản (6)

4. Tiêu chuẩn, phương pháp, thủ tục, lệ phí... đối với việc kiểm tra định kỳ và kiểm tra đột xuất theo khoản (6).

(Điều này được sửa đổi toàn bộ ngày 25/5/2010)

Điều 14-2 (Thu hồi giấy chứng nhận)

(1) Trong các trường hợp dưới đây, Bộ trưởng Bộ Môi trường có thể thu hồi giấy chứng nhận hoặc yêu cầu tạm dừng sản xuất, nhập khẩu, cung ứng, kinh doanh, hoặc thực hiện các biện pháp khắc phục trong thời hạn không quá 6 tháng đối với đơn vị đã được cấp giấy chứng nhận theo Điều 14: trường hợp vi phạm điểm 1, 3, hoặc 4 sẽ bị thu hồi giấy chứng nhận.

1. Sử dụng các thủ đoạn gian lận hoặc biện pháp bất hợp pháp khác để được cấp giấy chứng nhận;

2. Bị đánh giá là không đạt qua các cuộc kiểm tra định kỳ theo khoản (6) Điều 14;

3. Các vật tư hoặc sản phẩm dùng cho hệ thống cấp nước không đạt tiêu chuẩn qua kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất theo khoản (8) Điều 14, hoặc tổ chức, cá nhân bị kiểm tra có hành vi từ chối, cản trở hoặc trốn tránh việc kiểm tra.

4. Không thể tiếp tục hoạt động kinh doanh do doanh nghiệp dừng hoạt động hoặc do các nguyên nhân khác.

5. Sản xuất hoặc nhập khẩu vật tư hoặc sản phẩm theo cách khác với những vấn đề được chứng nhận.

(2) Tổ chức, cá nhân bị thu hồi giấy chứng nhận theo khoản (1) chỉ được nộp hồ sơ xin cấp lại giấy chứng nhận sau thời hạn dưới đây, tùy thuộc từng trường hợp: (Được sửa đổi ngày 30/12/2013; ngày 27/1/2016; ngày 12/12/2017)

1. Trường hợp giấy chứng nhận bị thu hồi theo các điểm 1, 2, 3 hoặc 5 khoản (1): sau 06 tháng kể từ ngày bị thu hồi;

2. Trường hợp giấy chứng nhận bị thu hồi theo điểm 4, khoản (1): sau 01 tháng kể từ ngày bị thu hồi.

(Điều này được bổ sung ngày 25/7/2010)

Điều 14-3 (Chỉ định tổ chức kiểm định)

(1) Bộ trưởng Bộ Môi trường có thể chỉ định một đơn vị kiểm định chuyên nghiệp thực hiện các công việc liên quan đến việc chứng nhận theo khoản (1) Điều 14, tiến hành thí nghiệm và kiểm định để xác định các vật tư và sản phẩm dùng cho hệ thống cấp nước có đáp ứng các tiêu chuẩn vệ sinh và an toàn hay không.

(2) Để được chỉ định làm công tác kiểm định theo khoản (1), đơn vị kiểm định phải nộp đơn xin chỉ định gửi Bộ trưởng Bộ Môi trường nếu như đáp ứng các tiêu chuẩn dưới đây, theo quy định tại Thông tư của Bộ Môi trường:

1. Đơn vị kiểm định phải có chứng chỉ năng lực về thí nghiệm và kiểm định theo Điều 23 Luật khung về Tiêu chuẩn quốc gia trong lĩnh vực liên quan đến các tiêu chuẩn vệ sinh và an toàn theo khoản (1) Điều 14;

2. Đơn vị kiểm định phải đáp ứng các tiêu chí quy định tại Nghị định của Tổng thống về nhân sự kỹ thuật, cơ sở vật chất và trang thiết bị v.v cần thiết cho việc thí nghiệm và kiểm định.

(3) Trường hợp đơn vị kiểm định được chỉ định theo khoản (1) (sau đây gọi là “đơn vị kiểm định”) muốn sửa đổi một trong những vấn đề quan trọng đã được quy định tại Nghị định của Tổng thống, chẳng hạn như tên thương mại, địa chỉ của tổ chức thì phải được sự phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Môi trường.

(4) Bộ trưởng Bộ Môi trường phải định kỳ kiểm tra xác minh xem đơn vị kiểm định có đáp ứng các tiêu chí theo khoản (2) hay không.

(5) Đơn vị kiểm định phải tuân thủ các quy định tại Nghị định của Tổng thống về phương pháp kiểm định, ghi chép và lưu giữ kết quả kiểm định, chu kỳ kiểm định.

(6) Các vấn đề cần thiết về trình tự thủ tục, phương pháp chỉ định tổ chức kiểm định theo khoản (1), thủ tục và phương pháp phê duyệt đối với những sửa đổi theo khoản (3), thủ tục và chu kỳ kiểm tra xác minh theo khoản (4) sẽ được quy định tại Thông tư của Bộ Môi trường.

(Điều này được bổ sung ngày 26/11/2019)

(Điều 14-3 trước đây được chuyển thành Điều 15-5 từ ngày 26/11/2019)

Điều 14-4 (Thu hồi quyết định chỉ định đơn vị kiểm định)

(1) Bộ trưởng Bộ Môi trường thu hồi quyết định chỉ định hoặc đình chỉ hoạt động của đơn vị kiểm định trong thời hạn đến 6 tháng nếu đơn vị kiểm định vi phạm một trong các quy định dưới đây, trường hợp vi phạm điểm 1 hoặc 2 sẽ bị thu hồi quyết định chỉ định:

1. Sử dụng cách thức gian lận hoặc bất hợp pháp khác để được chỉ định;
2. Không đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại khoản (2) Điều 14-3 qua việc xác minh theo khoản (4) Điều 14-3;
3. Không tuân thủ các quy định tại khoản (5) Điều 14-3;
4. Dừng hoạt động kiểm định được chỉ định trong thời gian trên 01 tháng mà không có lý do chính đáng.

(2) Bộ trưởng Bộ Môi trường không được chỉ định đơn vị kiểm định đã bị thu hồi quyết định chỉ định trong vòng 01 năm kể từ khi đơn vị đó bị thu hồi quyết định theo khoản (1).

(3) Các tiêu chuẩn và thủ tục chi tiết về xử lý hành chính, ví dụ như thu hồi quyết định chỉ định theo khoản (1) sẽ được quy định tại Thông tư của Bộ Môi trường.

(Điều này được bổ sung ngày 16/11/2019)

(Điều 14-4 trước đây được chuyển thành Điều 14-6 từ ngày 26/11/2019)

Điều 14-5 (khuyến nghị thu hồi sản phẩm)

(1) Trong các trường hợp dưới đây, Bộ trưởng Bộ Môi trường có thể khuyến nghị đơn vị sản xuất, nhập khẩu, cung ứng hoặc kinh doanh các vật tư hoặc sản phẩm dùng cho hệ thống cấp nước tiến hành các biện pháp cần thiết để thu hồi, tiêu hủy, trao đổi, trả lại hoặc cải tiến các sản phẩm liên quan v.v. hoặc thực hiện các biện pháp cần thiết khác (sau đây gọi chung là “thu hồi”): *(Được sửa đổi ngày 12/12/2017)*

1. Đơn vị kinh doanh không dán nhãn theo khoản (4) Điều 14 hoặc dán nhãn khác với giấy chứng nhận được cấp.

2. Vật tư hoặc sản phẩm dùng cho hệ thống cấp nước không đạt tiêu chuẩn qua việc kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất theo khoản (8), Điều 14.

(2) Khi đơn vị kinh doanh thực hiện các biện pháp theo khuyến nghị tại khoản (1), phải báo cáo Bộ trưởng Bộ Môi trường các vấn đề được quy định tại Nghị định của Tổng thống, ví dụ như kết quả của các biện pháp đó.

(3) Trường hợp đơn vị kinh doanh không thực hiện các biện pháp theo khuyến nghị tại khoản (1) mà không có lý do chính đáng, Bộ trưởng Môi trường có thể thông báo công khai sự việc.

(4) Các vấn đề cần thiết đối với việc khuyến nghị thu hồi v.v. theo khoản (1), báo cáo theo khoản (2), thông báo công khai theo khoản (3), sẽ được quy định tại Nghị định của Tổng thống.

(Điều này được bổ sung ngày 27/1/2016)

(Điều này được chuyển từ Điều 14-3; Điều 14-5 trước đây được chuyển thành Điều 14-7 từ ngày 26/11/2019)

Điều 14-6 (Ra lệnh thu hồi sản phẩm)

(1) Bộ trưởng Bộ Môi trường có thể ra lệnh cho đơn vị kinh doanh thực hiện thu hồi các sản phẩm v.v theo trình tự thủ tục quy định tại Nghị định của Tổng thống và thông báo công khai sự việc này trong các trường hợp dưới đây: (Được sửa đổi ngày 12/12/2017; ngày 26/11/2019)

1. Đơn vị sản xuất, nhập khẩu, cung ứng hoặc kinh doanh các sản phẩm, v.v chưa được cấp giấy chứng nhận, vi phạm khoản (2), Điều 14;

2. Đơn vị kinh doanh đã được khuyến nghị theo khoản (1) Điều 14-3 nhưng không thực hiện mà không có lý do chính đáng.

(2) Khi đơn vị kinh doanh thực hiện các biện pháp liên quan theo lệnh được ban hành tại khoản (1), thì phải báo cáo Bộ trưởng Bộ Môi trường các vấn đề được quy định tại Nghị định của Tổng thống, chẳng hạn như kết quả thực hiện các biện pháp đó;

(3) Nếu đơn vị kinh doanh không thực hiện lệnh thu hồi theo khoản (1), Bộ trưởng Bộ Môi trường có thể tự tổ chức thực hiện việc thu hồi v.v các sản phẩm liên quan. Trong trường hợp đó, đơn vị kinh doanh liên quan phải chịu các chi phí cho việc tổ chức thu hồi v.v.

(4) Các vấn đề cần thiết về việc ban hành lệnh và thông báo công khai việc thu hồi v.v theo khoản (1), báo cáo theo khoản (2), thực hiện các biện pháp cần thiết và chi phí cho việc tổ chức thu hồi theo khoản (3) được quy định tại Nghị định của Tổng thống.

(Điều này được bổ sung ngày 27/1/2016)

(Điều này được chuyển từ Điều 14-4; Điều 14-6 trước đây được chuyển thành Điều 14-8 từ ngày 26/11/2019)

Điều 14-7 (Kiểm tra tại chỗ)

(1) Bộ trưởng Môi trường có thể yêu cầu các công chức liên quan tiến hành kiểm tra tại chỗ để khuyến nghị hoặc ra lệnh cho đơn vị kinh doanh thực hiện việc thu hồi, v.v hoặc yêu cầu đơn vị kinh doanh cung cấp các dữ liệu cần thiết.

(2) Công chức liên quan khi tiến hành kiểm tra tại chỗ theo khoản (1) phải mang theo giấy tờ chứng minh thẩm quyền của mình và xuất trình cho những người có liên quan.

(Điều này được bổ sung ngày 12/12/2017)

(Điều này được chuyển từ Điều 14-5 từ ngày 26/11/2019)

Điều 14-8 (Đề nghị rút lại khuyến nghị)

(1) Trường hợp đơn vị kinh doanh nhận được khuyến nghị hoặc lệnh thu hồi, v.v, hoặc đơn vị kinh doanh chịu tác động của khuyến nghị hoặc lệnh thu hồi đó có ý kiến khiếu nại, thì có thể nộp đơn đề nghị Bộ trưởng Bộ Môi trường rút lại toàn bộ hoặc một phần khuyến nghị hoặc lệnh đó trong vòng 30 ngày kể từ ngày đơn vị đó nhận được khuyến nghị hoặc lệnh có liên quan. *(Được sửa đổi ngày 26/5/2020)*

(2) Theo đơn đề nghị của đơn vị kinh doanh tại khoản (1), Bộ trưởng Môi trường sẽ quyết định việc rút lại một phần hoặc toàn bộ khuyến nghị hoặc lệnh đó trong vòng 30 ngày: Trường hợp không thể đưa ra quyết định trong thời hạn trên do có lý do chính đáng, thì có thể gia hạn thêm tối đa 30 ngày.

(3) Đơn vị kinh doanh nhận được lệnh thu hồi theo khoản (1) Điều 14- 6 có thể nộp đơn khiếu nại hành chính theo Luật khiếu nại hành chính, bất kể đã nộp đơn đề nghị theo khoản (1) hay không. *(Được sửa đổi ngày 26/11/2019)*

(4) Trình tự thủ tục, phương pháp, v.v nộp đơn đề nghị theo khoản (1) sẽ được quy định tại Nghị định của Tổng thống.

(Điều này được bổ sung ngày 12/12/2017)

(Điều này được chuyển từ Điều 14-6 từ ngày 26/11/2019)

Điều 15 (Lắp đặt các vật dụng tiết kiệm nước)

(1) Các tổ chức, cá nhân dự định xây dựng các công trình nhà theo điểm 2, khoản (1) Luật Xây dựng hoặc các công trình khác theo quy định của pháp luật địa phương sẽ phải lắp đặt các vật dụng tiết kiệm nước để sử dụng nước máy tiết kiệm và hiệu quả. *(Được sửa đổi ngày 28/7/2011; ngày 26/11/2019)*

(2) Chủ kinh doanh cơ sở lưu trú (không bao gồm các cơ sở lưu trú có dưới 10 phòng) và kinh doanh nhà tắm công cộng theo điểm 2, 3 khoản (1) Luật Kiểm soát sức khỏe cộng đồng hoặc kinh doanh cơ sở thể thao theo khoản (1) Điều 10 Luật Lắp đặt và sử dụng các công trình thể thao hoặc người lắp đặt nhà vệ sinh công cộng theo điểm 1 Điều 2 Luật Nhà vệ sinh công cộng, v.v. phải lắp đặt các vật dụng và thiết bị tiết kiệm nước. *(Được sửa đổi ngày 14/11/2011)*

(3) Trường hợp chủ kinh doanh cơ sở lưu trú, nhà tắm công cộng, cơ sở thể thao hoặc người lắp đặt nhà vệ sinh công cộng không lắp đặt các thiết bị và vật dụng tiết kiệm nước theo khoản (2), Thị trưởng thành phố tự trị đặc biệt, Tỉnh trưởng tỉnh tự trị đặc biệt hoặc người đứng đầu các thành phố/huyện/quận có thể ra lệnh cho người đó lắp đặt các thiết bị và vật dụng tiết kiệm nước. *(Được sửa đổi ngày 25/5/2010; ngày 24/7/2011; ngày 14/11/2011)*

(4) Tổ chức, cá nhân sản xuất hoặc nhập khẩu các vật dụng tiết kiệm nước được quy định tại các khoản từ (1) đến (3) để bán trên thị trường nội địa phải thể hiện rõ cấp độ tiết kiệm nước trên các vật dụng tiết kiệm nước liên quan. *(Được bổ sung ngày 24/12/2018)*

(5) Các nội dung cần thiết để thể hiện cấp độ tiết kiệm nước của các vật dụng tiết kiệm nước theo khoản (4) được quy định tại Thông tư của Bộ Môi trường. *(Được bổ sung ngày 24/12/2018)*

Điều 15-2 (Đăng ký kinh doanh tiết kiệm nước)

(1) Tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động kinh doanh dưới đây (sau đây gọi là “kinh doanh tiết kiệm nước”) phải được trang bị cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị và năng lực kỹ thuật đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị định của Tổng thống và phải đăng ký kinh doanh với Bộ trưởng Môi trường:

1. Quản lý và bảo trì cơ sở vật chất, thiết bị phân phối và cấp nước để giảm thất thoát nước từ hệ thống hoặc khu vực cấp nước (bao gồm cả đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất);

2. Lắp đặt các vật dụng và phụ kiện tiết kiệm nước theo Điều 15;

3. Các hoạt động kinh doanh khác được xếp vào loại hình kinh doanh tiết kiệm nước theo quy định tại Thông tư của Bộ Môi trường.

(2) Bộ trưởng Bộ Môi trường có thể cung cấp hỗ trợ kỹ thuật và hỗ trợ cần thiết khác cho các tổ chức, cá nhân đăng ký kinh doanh theo khoản (1) (sau đây gọi là “Doanh nghiệp tiết kiệm nước”).

(Điều này được bổ sung ngày 30/12/2013)

Điều 15-3 (Thu hồi đăng ký kinh doanh tiết kiệm nước)

Trường hợp doanh nghiệp tiết kiệm nước vi phạm một trong các quy định dưới đây, Bộ trưởng Bộ Môi trường có thể thu hồi đăng ký kinh doanh hoặc đình chỉ hỗ trợ theo khoản (2) Điều 15-2 theo quy định tại Thông tư của Bộ Môi trường: Bộ trưởng Bộ Môi trường thu hồi đăng ký kinh doanh đối với các trường hợp vi phạm điểm 1.

1. Doanh nghiệp đăng ký kinh doanh theo khoản (1) Điều 15-2 bằng các phương thức gian lận hoặc bất hợp pháp khác;

2. Doanh nghiệp tiết kiệm nước cho bên thứ 3 mượn đăng ký kinh doanh của mình để hỗ trợ hoặc tiếp tay cho người đó tham gia các hoạt động kinh doanh quy định tại khoản (1), Điều 15-2;

3. Doanh nghiệp tiết kiệm nước không còn đáp ứng các tiêu chuẩn đăng ký theo khoản (1) Điều 15-2;

4. Doanh nghiệp tiết kiệm nước không triển khai hoạt động kinh doanh mà không có lý do chính đáng trong vòng 03 năm kể từ khi họ đăng ký kinh doanh hoặc không có kết quả hoạt động kinh doanh liên tục trong ít nhất 03 năm.

(Điều này được bổ sung ngày 30/12/2013)

Điều 15-4 (Hạn chế đăng ký kinh doanh tiết kiệm nước)

Doanh nghiệp bị thu hồi đăng ký kinh doanh tiết kiệm nước theo Điều 15-3 không được nộp đơn xin đăng ký kinh doanh theo khoản (1) Điều 15-2 trước khi hết thời hạn 01 năm kể từ ngày bị thu hồi đăng ký kinh doanh.

Điều 16 (Thể hiện lượng nước sử dụng trên thiết bị gia dụng tiết kiệm nước)

Doanh nghiệp sản xuất hoặc nhập khẩu các đồ gia dụng tiết kiệm nước để bán tại Hàn Quốc phải thể hiện rõ lượng nước sử dụng của đồ gia dụng theo bảng xếp hạng hiệu quả năng lượng nêu tại khoản (2) Điều 15

Luật sử dụng năng lượng hiệu quả, theo quy định tại Nghị định của Tổng thống.

(Điều này được bổ sung ngày 28/7/2011)

CHƯƠNG II. HOẠT ĐỘNG CẤP NƯỚC SINH HOẠT

Điều 17 (Cấp giấy phép cấp nước sinh hoạt)

(1) Các thực thể muốn tham gia hoạt động cấp nước sinh hoạt phải xin giấy phép của Bộ trưởng Bộ Môi trường, Thị trưởng/Tỉnh trưởng, hoặc người đứng đầu các thành phố/quận/ huyện (không bao gồm người đứng đầu huyện của thành phố thủ phủ: sau đây gọi là cơ quan cấp giấy phép), hoặc các cơ quan thẩm quyền được nêu dưới đây theo quy định tại Nghị định của Tổng thống: Trường hợp thay đổi nội dung trong giấy phép cũng áp dụng tương tự (trừ việc thay đổi những nội dung không quan trọng được quy định tại Nghị định của Tổng thống): *(Được sửa đổi ngày 29/2/2008; ngày 25/5/2010; ngày 28/7/2011; ngày 14/11/2011; ngày 23/3/2013; ngày 8/6/2018)*

1. Hệ thống cấp nước diện rộng và hệ thống cấp nước địa phương do chính quyền địa phương lắp đặt (không bao gồm các hệ thống cấp nước diện rộng và hệ thống cấp nước địa phương nêu tại điểm 3 và 4); các hệ thống cấp nước diện rộng khác không do chính quyền địa phương lắp đặt: Bộ trưởng Bộ Môi trường;

2. Đã bãi bỏ. *(ngày 8/6/2018)*

3. Hệ thống cấp nước diện rộng và hệ thống cấp nước địa phương có công suất cấp nước dưới 10.000 tấn/ngày do chính quyền địa phương lắp đặt trên địa bàn một tỉnh hoặc tỉnh tự trị: Tỉnh trưởng hoặc tỉnh trưởng tỉnh tự trị đặc biệt;

4. Hệ thống cấp nước diện rộng hoặc hệ thống cấp nước địa phương có công suất trên 100.000 tấn/ngày do chính quyền địa phương lắp đặt trên địa bàn của thành phố đặc biệt, thành phố trực thuộc trung ương hoặc thành phố tự trị đặc biệt: Thị trưởng thành phố đặc biệt, thị trưởng thành phố trực thuộc trung ương, hoặc thị trưởng thành phố tự trị đặc biệt;

5. Hệ thống cấp nước xã: Thị trưởng thành phố đặc biệt, Thị trưởng thành phố trực thuộc trung ương, Thị trưởng thành phố tự trị đặc biệt, tỉnh trưởng tỉnh tự trị đặc biệt, hoặc người đứng đầu thành phố/huyện (không bao gồm người đứng đầu huyện của thành phố trực thuộc trung ương).

(2) Thị trường/tỉnh trưởng phải tham vấn ý kiến của Bộ trưởng Bộ Môi trường trước khi cấp giấy phép theo điểm 3, 4 khoản (1). *(Được sửa đổi ngày 8/6/2018)*

(3) Sau khi cấp giấy phép cấp nước **sinh hoạt** theo khoản (1), cơ quan thẩm quyền cấp giấy phép phải thông báo công khai ngay về việc này. *(Được sửa đổi ngày 29/2/2008; ngày 25/5/2010; ngày 28/7/2011)*

(4) Đã bãi bỏ. *(ngày 8/6/2018)*

(5) Thị trường/tỉnh trưởng, sau khi cấp giấy phép cấp nước **sinh hoạt** (không bao gồm hệ thống cấp nước xã), phải báo cáo Bộ trưởng Bộ Môi trường về các nội dung đã cấp phép. *(Được bổ sung ngày 28/7/2011)*

Điều 18 (Tiêu chuẩn đối với các công trình)

(1) Các công ty cấp nước sinh hoạt phải đảm bảo an toàn động đất cho các công trình cấp nước khi lắp đặt các công trình cấp nước, theo các tiêu chí quy định tại Nghị định của Tổng thống, căn cứ vào chất lượng, số lượng, điều kiện địa chất của nguồn nước tự nhiên, loại hình và quy mô của công trình cấp nước.

(2) Đã bãi bỏ. *(ngày 25/5/2010)*

(3) Các thực thể lắp đặt bể chứa nước theo điểm 24, Điều 3 phải đáp ứng các tiêu chí theo quy định tại Thông tư của Bộ Môi trường: tiêu chí đối với bể chứa nước được lắp đặt trong tòa nhà và công trình xây dựng, ngoại trừ các tòa nhà hoặc công trình xây dựng có quy mô lớn hơn quy mô được quy định tại Nghị định của Tổng thống theo khoản (2) Điều 33, có thể do chính quyền địa phương có liên quan ban hành.

Điều 19 (Kiểm định chất lượng nước tại thời điểm hoàn thành công trình)

(1) Sau khi hoàn thành công trình cấp nước, đơn vị cấp nước sinh hoạt phải tiến hành kiểm định chất lượng nước.

(2) Đơn vị cấp nước sinh hoạt chỉ được cung cấp nước máy sau khi hoàn thành công tác kiểm định chất lượng nước theo khoản (1).

Điều 20 (Bảo vệ công trình cấp nước)

Nghiêm cấm việc phép đấu nối các thiết bị cấp nước với đường ống dẫn nước của hệ thống cấp nước sinh hoạt hiện hữu, làm thay đổi hoặc làm hỏng hệ thống cấp nước nếu như không có sự chấp thuận trước của công ty cấp nước sinh hoạt.

Điều 21 (Quản lý hệ thống cấp nước)

(1) Công ty cấp nước sinh hoạt chịu trách nhiệm quản lý hệ thống cấp nước sinh hoạt. Quyền quản lý các thiết bị cấp nước thuộc hệ thống cấp nước thuộc về các chủ thể quản lý được quy định tại Nghị định của Tổng thống.

(2) Bên cạnh quy định tại khoản (1), công ty cấp nước sinh hoạt phải kiểm tra tình trạng hiện tại của các thiết bị cấp nước đầu nối với hệ thống cấp nước và chất lượng nước máy sau khi có sự đồng ý của chủ sở hữu hoặc chủ thể quản lý của các thiết bị cấp nước có liên quan: Công ty cấp nước sinh hoạt phải kiểm tra các thiết bị cấp nước, với sự đồng ý của chủ sở hữu hoặc chủ thể quản lý của các thiết bị đó, để đảm bảo rằng các thiết bị cấp nước đã được lắp đặt đúng cách, trước khi cấp nước máy cho các thiết bị cấp nước mới lắp đặt. *(Được sửa đổi ngày 30/12/2013)*

(3) Khách hàng sử dụng nước máy có thể yêu cầu công ty cấp nước sinh hoạt kiểm tra tình trạng hiện tại của các thiết bị cấp nước và chất lượng nước máy do công ty đó cung cấp.

(4) Các tiêu chuẩn và quy trình kiểm tra các thiết bị cấp nước theo khoản (2) và (3) và các vấn đề cần thiết khác sẽ được quy định tại Thông tư của Bộ Môi trường. *(Được bổ sung ngày 30/12/2013)*

(5) Qua công tác kiểm tra theo khoản (2) và (3), phát hiện các thiết bị cấp nước không đạt tiêu chuẩn theo khoản (4) hoặc nước máy không đảm bảo chất lượng nước theo khoản (2) Điều 26, thì công ty cấp nước phải yêu cầu chủ sở hữu hoặc chủ thể quản lý của các thiết bị cấp nước đó tiến hành xúc, rửa, hoặc thay thế các thiết bị cấp nước và tiến hành các biện pháp cần thiết khác theo quy chế quản lý của địa phương có liên quan. Trong các trường hợp đó, công ty cấp nước có thể hỗ trợ kinh phí hoặc cho vay một phần chi phí phát sinh trong việc xúc, rửa, thay thế thiết bị cấp nước theo quy chế quản lý của địa phương có liên quan. *(Được sửa đổi ngày 14/11/2011; ngày 30/12/2013)*

(6) Công ty cấp nước sinh hoạt phải bổ nhiệm một người quản lý các thiết bị cấp nước đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị định của Tổng thống để thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại Nghị định của Tổng thống, bao gồm cả quản lý kỹ thuật hệ thống cấp nước. *(Được sửa đổi ngày 30/12/2013)*

(7) Công ty cấp nước sinh hoạt phải bổ nhiệm một người quản lý vận hành công trình lọc nước có chứng chỉ để quản lý công trình lọc nước theo các tiêu chí quy định tại Nghị định của Tổng thống, có tính đến quy mô v.v.

của công trình, nhằm đảm bảo việc quản lý và vận hành hiệu quả công trình lọc nước. *(Được sửa đổi ngày 30/12/2013)*

(8) Công ty cấp nước sinh hoạt phải sắp xếp người có chứng chỉ về quản lý vận hành thiết bị đường ống cấp nước để quản lý thiết bị thuộc mạng lưới đường ống cấp nước theo các tiêu chí quy định tại Nghị định của Tổng thống, có tính đến quy mô v.v. của mạng lưới đường ống cấp nước, để đảm bảo việc vận hành và quản lý hiệu quả các thiết bị của mạng lưới đường ống cấp nước. *(Được sửa đổi ngày 31/3/2020)*

(9) Công ty cấp nước sinh hoạt phải nỗ lực thực hiện các biện pháp dưới đây để tiết kiệm năng lượng trong vận hành và quản lý hệ thống cấp nước, nâng cao hiệu quả vận hành và quản lý hệ thống cấp nước: *(Mới được bổ sung ngày 26/11/2019; ngày 31/3/2020)*

1. Sử dụng năng lượng tái tạo theo điểm 2, Điều 2 của Luật thúc đẩy phát triển, sử dụng và phổ biến năng lượng mới, năng lượng tái tạo;
2. Sử dụng công nghệ lọc nước tiết kiệm năng lượng;
3. Sử dụng các vật tư và sản phẩm tiết kiệm năng lượng.

Điều 21-2 (Quản lý mạng lưới đường ống cấp nước)

Công ty cấp nước thuộc chính quyền địa phương phải quản lý và duy trì mạng lưới đường ống cấp nước một cách hiệu quả và có hệ thống theo quy định tại Nghị định của Tổng thống, nhằm ngăn ngừa ô nhiễm nước trong quá trình cung cấp nước máy và cải thiện lưu lượng nước bằng các biện pháp chống rò rỉ nước. *(Được sửa đổi ngày 31/3/2020)*

(Điều này mới được bổ sung ngày 26/11/2019)

(Tên tiêu đề của điều này được sửa đổi ngày 31/3/2020)

Điều 21-3 (Chỉ định khu vực ưu tiên kiểm soát mạng lưới đường ống cấp nước)

(1) Bộ trưởng Bộ Môi trường có thể chỉ định khu vực đang hoặc có khả năng xảy ra ô nhiễm nguồn nước do sự xuống cấp của mạng lưới đường ống cấp nước làm khu vực ưu tiên kiểm soát mạng lưới đường ống cấp nước (sau đây gọi là “khu vực ưu tiên kiểm soát”), sau khi tham khảo ý kiến của công ty cấp nước sinh hoạt quản lý mạng lưới đường ống cấp nước đó (trong điều này, công ty cấp nước sinh hoạt thuộc chính quyền địa phương).

(2) Trường hợp lý do để chỉ định khu vực ưu tiên kiểm soát thuộc thẩm quyền giải quyết của công ty cấp nước sinh hoạt, hoặc nếu như công

ty đó cho rằng cần rút lại việc chỉ định, thì có thể đề nghị Bộ trưởng Bộ Môi trường chỉ định hoặc rút lại việc chỉ định.

(3) Công ty cấp nước sinh hoạt phải tiến hành đo lường thường xuyên chất lượng nước v.v. trong khu vực ưu tiên kiểm soát thuộc thẩm quyền quản lý của mình, lập kế hoạch nâng cấp mạng lưới đường ống và trình Bộ trưởng Bộ Môi trường phê duyệt.

(4) Bộ trưởng Bộ Môi trường có thể hỗ trợ các chi phí cần thiết cho việc bảo trì mạng lưới đường ống trong khu vực ưu tiên kiểm soát.

(5) Bộ trưởng Bộ Môi trường có thể rút lại việc chỉ định khu vực ưu tiên kiểm soát nếu thấy cần thiết trong trường hợp lý do để chỉ định không còn tồn tại, sự cần thiết phải duy trì việc chỉ định đó đã giảm đáng kể, hoặc trong các trường hợp tương tự khác.

(6) Các vấn đề cần thiết về tiêu chí và trình tự thủ tục chỉ định khu vực ưu tiên kiểm soát theo khoản (1), đo lường chất lượng nước theo khoản (3), lập kế hoạch nâng cấp mạng lưới đường ống cấp nước, và thủ tục rút lại việc chỉ định theo khoản (5) được quy định tại Thông tư của Bộ Môi trường.

(Điều này mới được bổ sung ngày 31/3/2020)

Điều 21-4(Đăng ký kinh doanh Đại lý quản lý mạng lưới đường ống cấp nước)

(1) Các thực thể muốn tham gia một trong các hoạt động dưới đây (sau đây gọi là “Đại lý quản lý mạng lưới đường ống cấp nước”) phải có đủ trang thiết bị, nhân lực v.v. đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Nghị định của Tổng thống, đồng thời phải đăng ký kinh doanh với Bộ trưởng Bộ Môi trường:

1. Xúc rửa làm sạch đường ống cấp nước;
2. Quản lý rò rỉ nước, chẳng hạn như tìm kiếm phát hiện chỗ rò rỉ, sửa chữa đường ống;
3. Kiểm tra, bảo trì đường ống;
4. Các nhiệm vụ khác theo quy định tại Thông tư của Bộ Môi trường về vận hành, quản lý mạng lưới đường ống cấp nước.

(2) Trường hợp sửa đổi một nội dung công việc quan trọng được quy định tại Thông tư của Bộ Môi trường trong số các nội dung đã đăng ký theo khoản (1), ví dụ như nhân sự kỹ thuật, thì phải làm thủ tục sửa đổi đăng ký kinh doanh.

(3) Đại lý quản lý mạng lưới đường ống cấp nước theo khoản (1) phải tuân thủ các yêu cầu được quy định tại Nghị định của Tổng thống, chẳng hạn như ghi chép và lưu giữ v.v. thông tin liên quan đến công tác quản lý mạng lưới đường ống cấp nước.

(4) Các vấn đề cần thiết về thủ tục, v.v. đăng ký kinh doanh đại lý quản lý mạng lưới đường ống cấp nước và sửa đổi đăng ký theo khoản (1) và (2) sẽ được quy định tại Thông tư của Bộ Môi trường.

(Điều này mới được bổ sung ngày 31/3/2020)

Điều 22 (Kêu gọi vốn tư nhân cho hoạt động cấp nước)

Nhà nước hoặc các chính quyền địa phương có thể kêu gọi vốn tư nhân để trang trải toàn bộ hoặc một phần vốn đầu tư cho hệ thống cấp nước theo các quy định của Luật Đối tác công tư trong lĩnh vực Hạ tầng.

Điều 23 (Ủy thác vận hành và quản lý hệ thống cấp nước)

(1) Công ty cấp nước sinh hoạt (trong điều này công ty cấp nước sinh hoạt thuộc chính quyền địa phương) có thể ủy thác toàn bộ hoặc một phần nhiệm vụ vận hành và quản lý hệ thống cấp nước (sau đây gọi là công việc quản lý hệ thống cấp nước) cho các cơ quan chuyên môn được quy định tại Nghị định của Tổng thống, hoặc cho một công ty cấp nước sinh hoạt khác cũng của chính quyền địa phương, theo quy định tại Nghị định của Tổng thống, để vận hành và quản lý hiệu quả hệ thống cấp nước. Trong các trường hợp đó, một công ty cấp nước sinh hoạt có thể ủy thác công việc quản lý hệ thống cấp nước cùng với một công ty cấp nước sinh hoạt khác. *(Được sửa đổi ngày 25/5/2010; ngày 14/11/2011)*

(2) Trường hợp công ty cấp nước sinh hoạt ủy thác công việc quản lý hệ thống cấp nước theo khoản (1), thì phải ký hợp đồng ủy thác với đơn vị nhận ủy thác (sau đây gọi là bên nhận ủy thác) theo quy định tại Nghị định của Tổng thống, và phải báo cáo các nội dung dưới đây với Bộ trưởng Bộ Môi trường theo quy định tại Thông tư của Bộ Môi trường: *(Được sửa đổi ngày 14/11/2011)*

1. Trường hợp đã ký hợp đồng ủy thác: báo cáo về nội dung của hợp đồng; trường hợp thay đổi nội dung chi tiết của hợp đồng: báo cáo về những thay đổi trong hợp đồng đã ký kết;

2. Trường hợp hủy bỏ hợp đồng: báo cáo về việc hủy bỏ.

(3) Theo các mục đích của Điều 28, 28-2, 29, 33 (1), 36, 37 và 61, bên nhận ủy thác chỉ được coi là công ty cấp nước sinh hoạt khi bên nhận ủy thác thực hiện công việc quản lý hệ thống cấp nước.

(4) Khi công ty cấp nước sinh hoạt ủy thác công việc quản lý hệ thống cấp nước thì phải hướng dẫn và giám sát bên nhận ủy thác thực hiện các công việc được ủy thác. Trong các trường hợp đó, công ty cấp nước sinh hoạt có thể yêu cầu bên nhận ủy thác báo cáo và cung cấp các tài liệu liên quan nếu thấy cần thiết để đảm bảo cung cấp nước máy an toàn và thích hợp.

(5) Công ty cấp nước sinh hoạt phải thành lập và vận hành Hội đồng Đánh giá ủy thác quản lý hệ thống cấp nước để xem xét các vấn đề liên quan đến việc quản lý hệ thống cấp nước. *(Được bổ sung ngày 25/5/2010)*

(6) Chủ tịch Hội đồng Đánh giá ủy thác quản lý hệ thống cấp nước được Công ty cấp nước bổ nhiệm trong số các công chức hạng III và hạng IV phụ trách các công việc liên quan đến hệ thống cấp nước, số lượng thành viên của Hội đồng không quá 15 người theo quy định tại Nghị định của Tổng thống. *(Được bổ sung ngày 25/5/2010)*

(7) Chức năng, hoạt động của Hội đồng Đánh giá ủy thác quản lý hệ thống cấp nước và những vấn đề cần thiết khác được quy định tại Nghị định của Tổng thống. *(Được bổ sung ngày 25/5/2010)*

Điều 23-2 (Kiểm tra thực tế công tác vận hành và quản lý các công trình cấp nước)

(1) Bộ trưởng Bộ Môi trường có quyền kiểm tra tình hình thực tế (sau đây gọi là “kiểm tra thực tế”) công tác vận hành và quản lý các công trình cấp nước nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước.

(2) Bộ trưởng Bộ Môi trường có thể thiết lập và vận hành mạng máy tính để kiểm tra hiệu quả các điều kiện thực tế và chia sẻ thông tin liên quan.

(3) Các vấn đề cần thiết về chỉ số, phương pháp, v.v kiểm tra thực tế sẽ do Bộ trưởng Bộ Môi trường quyết định và công bố.

(Điều này được bổ sung ngày 14/11/2011)

Điều 24 (Người quản lý vận hành công trình lọc nước có chứng chỉ)

(1) Người quản vận hành công trình lọc nước phải trải qua kỳ thi sát hạch do Bộ Môi trường tổ chức để được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý vận hành các công trình lọc nước. *(Được sửa đổi ngày 26/5/2020)*

(2) Những người thuộc các trường hợp dưới đây không được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý vận hành các công trình lọc nước: *(Được sửa đổi ngày 3/2/2015; ngày 26/11/2019; ngày 26/5/2020)*

1. Trẻ vị thành niên hoặc người không đủ năng lực đang được sự giám hộ của người lớn;

2. Người đã tuyên bố phá sản và chưa khắc phục xong hậu quả;

3. Người bị kết án tù nhưng không bị áp dụng hình thức lao động cải tạo hoặc các hình phạt nặng hơn do vi phạm Luật này, Luật thoát nước, Luật Quản lý nước sạch, hoặc Luật khuyến khích và hỗ trợ tái sử dụng nước, và những người chưa qua 02 năm kể từ ngày được chấm dứt thi hành án (kể cả trường hợp được coi như chấm dứt thi hành án) hoặc được miễn thi hành án.

4. Người được tại ngoại sau khi bị kết án tù nhưng không bị áp dụng hình phạt cải tạo lao động hoặc các hình phạt nặng hơn do vi phạm Luật này, Luật thoát nước, Luật Quản lý nước sạch, hoặc Luật khuyến khích và hỗ trợ tái sử dụng nước.

5. Người chưa hết thời hạn 03 năm kể từ ngày bị thu hồi chứng chỉ hành nghề quản lý vận hành các công trình lọc nước (không bao gồm trường hợp bị thu hồi chứng chỉ do vi phạm điểm 1 hoặc 2 khoản (2) Điều 24).

(3) Bộ trưởng Bộ Môi trường phải cấp chứng chỉ hành nghề cho người đã thi đạt kỳ thi sát hạch theo quy định tại khoản (1). *(Được sửa đổi ngày 26/5/2020)*

(4) Người được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý vận hành các công trình lọc nước theo khoản (3) không được cho người khác mượn chứng chỉ của mình.

(5) Các điều kiện để được dự thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề quản lý vận hành công trình lọc nước theo khoản (1), các môn thi, cách thức tổ chức thi, miễn thi một phần, và các vấn đề cần thiết khác cho việc thi sát hạch được quy định tại Nghị định của Tổng thống.

Điều 24-2 (Các chế tài xử phạt người gian lận trong kỳ thi sát hạch)

Những ứng viên có hành vi gian lận trong kỳ thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề quản lý vận hành công trình lọc nước sẽ bị Bộ trưởng Bộ Môi trường đình chỉ việc dự thi hoặc hủy bỏ quyết định công nhận kết quả thi, đình chỉ tư cách dự thi của người đó trong vòng 03 năm kể từ ngày người đó bị đình chỉ dự thi hoặc bị thu hồi quyết định công nhận kết quả thi. *(Được sửa đổi ngày 26/5/2020)*

Điều 25 (Thu hồi chứng chỉ quản lý vận hành công trình lọc nước)

(1) Người quản lý vận hành công trình lọc nước đã được cấp chứng chỉ nếu có một trong các hành vi dưới đây sẽ bị Bộ trưởng Bộ Môi trường thu hồi chứng chỉ hành nghề hoặc bị đình chỉ hiệu lực của chứng chỉ hành nghề trong vòng 03 năm. Các trường hợp vi phạm điểm 1 hoặc 2 sẽ bị thu hồi chứng chỉ hành nghề:

1. Sử dụng các biện pháp gian lận hoặc bất hợp pháp để có được chứng chỉ;
2. Vi phạm các quy định tại các điểm từ 1 đến 5, khoản (2), Điều 24;
3. Cố ý hoặc do sơ suất trong công tác vận hành và quản lý công trình lọc nước dẫn đến việc cung cấp nước máy không đảm bảo chất lượng, gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người;
4. Cho người khác mượn chứng chỉ, vi phạm khoản (4), Điều 24;

(2) Các tiêu chí cho việc thu hồi hoặc đình chỉ chứng chỉ hành nghề của người quản lý vận hành công trình lọc nước theo khoản (1) do Bộ Môi trường quy định căn cứ trên tính chất và mức độ vi phạm.

Điều 25-2 (Người quản lý vận hành hệ thống đường ống cấp nước có chứng chỉ)

(1) Người quản lý vận hành hệ thống đường ống cấp nước phải được Bộ Môi trường cấp chứng chỉ hành nghề sau khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định tại Nghị định của Tổng thống.

(2) Những người thuộc các trường hợp dưới đây không được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý vận hành hệ thống đường ống cấp nước:

1. Trẻ vị thành niên hoặc người không đang chịu sự giám hộ của người lớn;
2. Người đã tuyên bố phá sản và chưa khắc phục xong hậu quả;
3. Người bị kết án tù nhưng không bị áp dụng hình thức lao động cải tạo hoặc các hình phạt nặng hơn do vi phạm Luật này, Luật thoát nước, Luật Quản lý nước sạch, hoặc Luật khuyến khích và hỗ trợ tái sử dụng nước, và những người chưa qua 02 năm kể từ ngày chấm dứt thi hành án (kể cả trường hợp được coi như chấm dứt thi hành án) hoặc miễn thi hành án.
4. Người được tại ngoại sau khi bị kết án tù nhưng không bị áp dụng hình phạt cải tạo lao động hoặc các hình phạt nặng hơn do vi phạm Luật

này, Luật thoát nước, Luật Quản lý nước sạch, hoặc Luật khuyến khích và hỗ trợ tái sử dụng nước.

5. Người chưa hết thời hạn 03 năm kể từ ngày bị thu hồi chứng chỉ hành nghề quản lý vận hành hệ thống đường ống cấp nước (không bao gồm trường hợp bị thu hồi chứng chỉ do vi phạm điểm 1 hoặc 2 khoản (2) Điều 24).

(3) Bộ trưởng Bộ Môi trường phải cấp chứng chỉ cho người nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ nếu người đó đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định tại khoản (1).

(4) Người quản lý vận hành hệ thống đường ống cấp nước có chứng chỉ không được cho người khác mượn chứng chỉ của mình.

(5) Bộ trưởng Bộ Môi trường có thể thu lệ phí cấp (cấp lại) chứng chỉ của người xin cấp (cấp lại) chứng chỉ hành nghề quản lý vận hành hệ thống đường ống cấp nước theo khoản (3) theo quy định tại Thông tư của Bộ Môi trường.

(6) Các vấn đề cần thiết về hạng chứng chỉ, phạm vi công việc của người quản lý vận hành hệ thống đường ống cấp nước có chứng chỉ, quy trình thủ tục cấp chứng chỉ theo khoản (3) sẽ được quy định tại Nghị định của Tổng thống.

(Điều này mới được bổ sung ngày 31/3/2020)

Điều 25-3 (Thu hồi chứng chỉ hành nghề đối với người quản lý vận hành hệ thống đường ống cấp nước)

(1) Người quản lý vận hành hệ thống đường ống cấp nước đã được cấp chứng chỉ nếu có một trong các hành vi dưới đây sẽ bị Bộ trưởng Bộ Môi trường thu hồi chứng chỉ hành nghề hoặc đình chỉ hiệu lực chứng chỉ hành nghề trong vòng 03 năm. Các trường hợp vi phạm điểm 1 hoặc 2 sẽ bị thu hồi chứng chỉ hành nghề:

1. Sử dụng các biện pháp gian lận hoặc bất hợp pháp để có được chứng chỉ;
2. Vi phạm quy định tại khoản (2) Điều 25-2;
3. Cố ý hoặc do sơ suất trong công tác vận hành và quản lý hệ thống đường ống cấp nước dẫn đến việc cung cấp nước máy không đảm bảo chất lượng, gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người;
4. Cho người khác mượn chứng chỉ, vi phạm khoản (4), Điều 25-2;

(2) Các tiêu chí cho việc thu hồi hoặc đình chỉ chứng chỉ hành nghề của người quản lý vận hành hệ thống đường ống cấp nước theo khoản (1) do Bộ Môi trường quy định căn cứ trên tính chất và mức độ vi phạm.

(Điều này mới được bổ sung ngày 31/3/2020)

Điều 26 (Tiêu chuẩn chất lượng nước)

(1) Nước sạch được cung cấp từ hệ thống cấp nước không được có các tạp chất nêu tại một trong các điểm dưới đây: *(Được sửa đổi ngày 26/5/2020)*

1. Các chất ô nhiễm hoặc bị coi là bị nhiễm vi trùng, vi khuẩn hoặc virus gây bệnh;
2. Chất vô cơ hoặc hữu cơ có khả năng gây ảnh hưởng tiêu cực đến tình trạng sức khỏe;
3. Chất có thể gây các bệnh ngoài da;
4. Các chất khác có thể gây ảnh hưởng tiêu cực đến tình trạng sức khỏe;

(2) Các vấn đề cần thiết liên quan đến tiêu chuẩn chất lượng nước nêu tại khoản (1) được quy định tại Thông tư của Bộ Môi trường.

(3) Bộ trưởng Bộ Môi trường quy định các thông số chất lượng nước cần được kiểm soát, ví dụ các chất ô nhiễm vi mô trong nước thô hoặc nước tinh khiết, là các thông số được giám sát của nước sạch để thiết lập các tiêu chuẩn chất lượng nước theo khoản (2). Trong trường hợp đó, chi tiết về các thông số chất lượng nước sạch cần kiểm soát, quy trình xác định, tiêu chuẩn của từng thông số, chu kỳ thử nghiệm sẽ do Bộ trưởng Bộ Môi trường quyết định và công bố công khai.

(4) Trong trường hợp cần thiết để bảo vệ sức khỏe người dân, Tỉnh trưởng/Thị trưởng có thể quy định các nội dung dưới đây thông qua việc ban hành quy chuẩn địa phương: Tuy nhiên, quy chuẩn địa phương không được áp dụng đối với hệ thống cấp nước diện rộng cung cấp nước thô hoặc nước sạch cho các khu vực thuộc địa bàn hành chính của từ 2 tỉnh/thành phố trở lên: *(Được sửa đổi ngày 30/12/2013)*

1. Nâng cao tiêu chuẩn chất lượng nước theo khoản (2) hoặc tiêu chuẩn kiểm soát các thông số chất lượng của nước sạch theo khoản (3);
2. Các tiêu chuẩn chất lượng nước và phương pháp thử nghiệm đối với các thông số ngoài các thông số quy định trong tiêu chuẩn chất lượng nước theo khoản (2) hoặc tiêu chuẩn kiểm soát nước sạch đối với các thông

số ngoài các thông số cần được kiểm soát theo khoản (3) và phương pháp thử nghiệm.

Điều 26-2 (Báo cáo về sự cố vi phạm tiêu chuẩn chất lượng nước)

(1) Khi xảy ra sự cố vi phạm tiêu chuẩn chất lượng nước theo khoản (2) Điều 26, công ty cấp nước sinh hoạt có trách nhiệm báo cáo ngay về sự cố vi phạm tiêu chuẩn chất lượng nước và các giải pháp xử lý khắc phục v.v. với lãnh đạo cơ quan thẩm quyền về môi trường lưu vực sông hoặc lãnh đạo văn phòng môi trường khu vực có thẩm quyền (sau đây gọi là Trưởng văn phòng môi trường khu vực).

(2) Sau khi nhận được báo cáo theo khoản (1), Trưởng văn phòng môi trường khu vực phải kịp thời xem xét tính phù hợp của giải pháp xử lý khắc phục và báo cáo Bộ trưởng Bộ Môi trường theo quy định tại Thông tư của Bộ Môi trường.

(3) Trong trường hợp khó có thể cấp nước máy an toàn và thích hợp, bao gồm cả trường hợp nước máy không đạt tiêu chuẩn theo khoản (2) Điều 26, Bộ trưởng Bộ Môi trường phải cử cán bộ có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư của Bộ Môi trường đến giám sát hiện trường và điều phối công việc khắc phục sự cố để kịp thời khắc phục sự cố, kiểm soát tình hình, thu thập thông tin và báo cáo về sự cố.

(4) Quy trình, thủ tục cử cán bộ giám sát hiện trường và điều phối công việc khắc phục sự cố theo khoản (3), nhiệm vụ của cán bộ giám sát hiện trường và điều phối công việc khắc phục sự cố được quy định tại Nghị định của Tổng thống.

(5) Công ty cấp nước sinh hoạt có trách nhiệm phối hợp, giúp cán bộ giám sát hiện trường và điều phối công việc khắc phục sự cố được cử đến theo khoản (3) hoàn thành tốt nhiệm vụ tại hiện trường, và phải tham vấn ý kiến của cán bộ giám sát hiện trường đó khi triển khai các giải pháp khắc phục sự cố.

(Điều này được bổ sung ngày 26/11/2019)

Điều 27 (Thông báo công khai sự cố vi phạm tiêu chuẩn chất lượng nước)

(1) Trong trường hợp nước máy không đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng theo khoản (2) Điều 26 hoặc trong các trường hợp bất khả kháng được quy định tại Nghị định của Tổng thống, công ty cấp nước sinh hoạt phải thông báo chi tiết cho người dân trong phạm vi cấp nước của mình

biết về sự cố vi phạm chất lượng nước và phải tiến hành những biện pháp cần thiết để cải thiện chất lượng nước. *(Được sửa đổi ngày 14/11/2011)*

(2) Các vấn đề cần thiết về thời gian, nội dung, phương pháp v.v thông báo công khai theo khoản (1) được quy định tại Thông tư của Bộ Môi trường. *(Được sửa đổi ngày 14/11/2011)*

(Tên tiêu đề của Điều này được sửa đổi ngày 14/11/2011)

Điều 28 (Tiêu chuẩn lọc nước)

(1) Công ty cấp nước sinh hoạt phải tuân thủ các tiêu chuẩn lọc nước quy định tại Thông tư của Bộ Môi trường nhằm đảm bảo nguồn nước máy được cung cấp cho sinh hoạt không bị nhiễm các vi sinh vật gây bệnh: khoản này không áp dụng đối với nguồn nước ngầm không bị nước mặt xâm thực được sử dụng làm nguồn nước và nguồn nước được cấp giấy phép khai thác theo quy định tại Thông tư của Bộ Môi trường. *(Được sửa đổi ngày 14/11/2011; ngày 30/12/2013)*

(2) Trường hợp công ty cấp nước sinh hoạt đã có giấy phép khai thác nguồn nước theo khoản (1) vi phạm các điểm dưới đây, Bộ trưởng Bộ Môi trường có thể thu hồi giấy phép đó: *(Được sửa đổi ngày 14/11/2011)*

1. Sử dụng thủ đoạn gian dối hoặc bất hợp pháp để có được giấy phép;

2. Nguồn nước được cấp giấy phép khai thác không đáp ứng các tiêu chuẩn để cấp giấy phép theo khoản (3);

(3) Các vấn đề cần thiết liên quan đến quy mô của các cơ sở phải đáp ứng các tiêu chuẩn lọc nước theo khoản (1), tiêu chuẩn để cấp giấy phép, thời hạn của giấy phép và quy trình cấp giấy phép v.v theo khoản (1) được quy định tại Thông tư của Bộ Môi trường. *(Được bổ sung ngày 14/11/2011)*

(4) Công ty cấp nước sinh hoạt phải xây dựng và vận hành các cơ sở lọc nước sao cho đảm bảo độ đục của nước đã qua xử lý đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại Thông tư của Bộ Môi trường nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn lọc nước theo khoản (1). *(Được bổ sung ngày 14/11/2011)*

(5) Công ty cấp nước sinh hoạt phải tiến hành kiểm định thường xuyên để kiểm tra chất lượng của nước đã qua xử lý đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn theo khoản (4). Trong các trường hợp đó, các vấn đề cần thiết liên quan đến các thông số nước sạch, thời gian kiểm định, phương thức kiểm định, v.v sẽ được quy định tại Thông tư của Bộ Môi trường. *(Được bổ sung ngày 14/11/2011)*

(6) Công ty cấp nước sinh hoạt phải ghi chép và lưu giữ các kết quả kiểm định theo khoản (5) theo quy định của Thông tư của Bộ Môi trường, báo cáo kết quả đó với Bộ trưởng Bộ Môi trường. *(Được bổ sung ngày 14/11/2011)*

(7) Trường hợp các kết quả kiểm định theo khoản (5) không đáp ứng các tiêu chuẩn theo khoản (4), công ty cấp nước sinh hoạt phải tiến hành các biện pháp cần thiết, ví dụ như sửa chữa các công trình cấp nước, theo quy định tại Thông tư của Bộ Môi trường. *(Được bổ sung ngày 14/11/2011)*

(8) Trường hợp công ty cấp nước sinh hoạt không đáp ứng các tiêu chuẩn lọc nước theo khoản (1), Bộ trưởng Bộ Môi trường phải yêu cầu công ty cấp nước triển khai các biện pháp cần thiết, ví dụ như cải tạo các công trình cấp nước. *(Được bổ sung ngày 14/11/2011)*

Điều 28-2 (Kiểm tra thực tế về hàm lượng các vi sinh vật gây bệnh)

(1) Công ty cấp nước sinh hoạt phải kiểm tra thực tế về hàm lượng các vi sinh vật gây bệnh có trong nước sạch, ví dụ như virus, để vận hành hiệu quả các cơ sở lọc nước và phải báo cáo kết quả kiểm tra với Bộ trưởng Bộ Môi trường.

(2) Các vấn đề cần thiết đối với cơ sở lọc nước cần được kiểm tra, thời gian kiểm tra, các thông số, phương pháp kiểm tra, nội dung, quy trình báo cáo các kết quả kiểm tra theo khoản (1) sẽ được quy định tại Thông tư của Bộ Môi trường.

(Điều này được bổ sung ngày 14/11/2011)

Điều 29 (Kiểm tra chất lượng nước và phân tích lượng nước)

(1) Công ty cấp nước sinh hoạt phải thực hiện kiểm tra chất lượng nước và phân tích lượng nước như lượng nước lấy vào, nước đã qua xử lý và nước cấp, để xác định nguồn nước tự nhiên và nước đã qua xử lý có đạt các tiêu chuẩn của Bộ Môi trường hay không theo quy định tại Nghị định của Tổng thống.

(2) Để kiểm tra chất lượng nước, công ty cấp nước sinh hoạt phải lắp đặt các thiết bị kiểm tra đáp ứng các tiêu chí quy định tại Nghị định của Tổng thống.

(3) Khi tiến hành kiểm tra chất lượng nước và phân tích lượng nước theo khoản (1), công ty cấp nước sinh hoạt phải lưu giữ và bảo quản hồ sơ kiểm tra và phân tích theo quy định tại Thông tư của Bộ Môi trường và

thông báo kết quả kiểm tra, phân tích đó trên cổng thông tin điện tử của đơn vị. *(Được sửa đổi ngày 30/12/2013)*

(4) Bộ trưởng Bộ Môi trường cần thiết lập và vận hành một hệ thống mạng máy tính để xử lý các hồ sơ kiểm tra chất lượng nước và phân tích lượng nước theo khoản (1) và (3). *(Được bổ sung ngày 30/12/2013)*

(5) Trường hợp công ty cấp nước sinh hoạt đưa thông tin sai lệch trong thông báo công khai hoặc trong báo cáo trình Bộ trưởng Bộ Môi trường liên quan đến các kết quả kiểm tra chất lượng nước hoặc phân tích lượng nước theo khoản (1), Bộ trưởng Bộ Môi trường có quyền yêu cầu công ty cấp nước có hình thức kỷ luật đối với người chịu trách nhiệm kiểm tra, phân tích. Trong trường hợp đó, công ty cấp nước phải chấp hành yêu cầu của Bộ trưởng Bộ Môi trường, trừ trường hợp có lý do chính đáng. *(Được sửa đổi ngày 30/12/2013)*

Điều 29-2 (Khảo sát thực trạng chất lượng nước máy)

(1) Bộ trưởng Bộ Môi trường phải tiến hành khảo sát thực trạng chất lượng nước máy 03 năm/lần để đảm bảo cung cấp nước máy an toàn và chất lượng cao cho người dân.

(2) Các vấn đề cần thiết về phương pháp, trình tự thủ tục khảo sát theo khoản (1) được quy định tại Nghị định của Tổng thống.

(Điều này được bổ sung ngày 31/3/2020)

Điều 30 (Hội đồng đánh giá chất lượng nước máy)

(1) Hội đồng đánh giá chất lượng nước máy do Thành phố đặc biệt, Thành phố thủ phủ, Thành phố tự trị đặc biệt, Tỉnh tự trị đặc biệt hoặc thành phố/quận/huyện (không bao gồm huyện của thành phố thủ phủ) thành lập để thực hiện các nhiệm vụ dưới đây: *(Được sửa đổi ngày 25/5/2010; ngày 14/11/2011)*

1. Kiểm tra định kỳ chất lượng nước máy và công bố kết quả kiểm tra;
2. Tư vấn cho công ty cấp nước sinh hoạt về công tác kiểm soát chất lượng nước và vận hành hệ thống cấp nước;
3. Lựa chọn địa điểm tiến hành kiểm tra định kỳ theo điểm 1.

(2) Thị trưởng Thành phố đặc biệt, Thị trưởng Thành phố thủ phủ, Thị trưởng Thành phố tự trị đặc biệt, Tỉnh trưởng Tỉnh tự trị đặc biệt hoặc người đứng đầu thành phố/quận/huyện chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch

hoạt động hàng năm của Hội đồng đánh giá chất lượng nước máy. *(Được bổ sung ngày 25/5/2010; ngày 14/11/2011)*

(3) Khi Thị trưởng Thành phố đặc biệt, Thị trưởng Thành phố thủ phủ, Thị trưởng Thành phố tự trị đặc biệt, Tỉnh trưởng Tỉnh tự trị đặc biệt hoặc người đứng đầu thành phố/quận/huyện xây dựng hoặc sửa đổi kế hoạch hoạt động hàng năm của Hội đồng đánh giá chất lượng nước máy, thì phải báo cáo việc xây dựng hoặc sửa đổi kế hoạch đó với Bộ trưởng Bộ Môi trường theo các phương thức và quy trình quy định tại Thông tư của Bộ Môi trường. *(Được bổ sung ngày 25/5/2010; ngày 14/11/2011)*

(4) Các vấn đề cần thiết về cơ cấu, thành phần và hoạt động của Hội đồng đánh giá chất lượng nước máy theo khoản (1) được quy định tại Nghị định của Tổng thống. *(Được sửa đổi ngày 25/5/2010)*

Điều 31 (Báo cáo về chất lượng nước máy)

(1) Công ty cấp nước sinh hoạt phải công bố báo cáo chất lượng nước máy tối thiểu mỗi năm một lần, và gửi báo cáo chất lượng nước máy cho từng khách hàng được cung cấp nước máy trong khu vực cấp nước của mình.

(2) Nội dung của báo cáo chất lượng nước máy theo khoản (1), cách thức công bố và gửi báo cáo v.v theo quy định tại Thông tư của Bộ Môi trường.

Điều 32 (Khám sức khỏe)

(1) Công ty cấp nước phải tổ chức khám sức khỏe cho những người thực hiện nhiệm vụ tại hoặc bên cạnh các công trình nhận nước, cơ sở lọc nước, và công trình cấp nước và những người khác cư trú trong khu vực có các công trình nói trên theo quy định tại Thông tư của Bộ Môi trường. *(Được sửa đổi ngày 26/5/2020)*

(2) Qua việc khám sức khỏe theo khoản (1) phát hiện những người mắc các chứng bệnh có thể rơi, ngã hoặc gây nguy hiểm cho người khác, thì công ty cấp nước phải không cho những người đó làm việc tại các công trình cấp nước của mình hoặc cư trú trong khu vực có các công trình cấp nước. *(Được sửa đổi ngày 26/5/2020)*

(3) Khoản (3) Điều 29 sẽ được áp dụng với những điều chỉnh thích hợp đối với việc chuẩn bị và lưu giữ hồ sơ khám sức khỏe theo khoản (1).

Điều 33 (Các biện pháp vệ sinh)

(1) Công ty cấp nước sinh hoạt phải khử trùng các thiết bị cấp nước của mình, kiểm tra chất lượng nước và tiến hành các biện pháp vệ sinh cần

thiết đối với các thiết bị cấp nước của mình (sau đây gọi chung là “các biện pháp vệ sinh, bao gồm cả khử trùng”).

(2) Chủ sở hữu hoặc người quản lý (đối với nhà ở nhiều hộ gia đình theo điểm 1, khoản (1), Điều 2 của Luật Quản lý nhà ở chung cư, người đứng đầu đơn vị bảo trì theo Điều 64 của Luật trên được coi là người quản lý tòa nhà; dưới đây áp dụng tương tự đối với khoản (3), khoản (4) và Điều 36 (khoản 1)) của các tòa nhà hoặc công trình có yêu cầu sử dụng nhiều nước máy và có quy mô lớn hơn quy mô quy định tại Nghị định của Tổng thống phải tiến hành các biện pháp vệ sinh, bao gồm cả khử trùng, đối với các thiết bị cấp nước (không bao gồm các thiết bị cấp nước thuộc quyền quản lý của công ty cấp nước). Trong các trường hợp đó, công ty cấp nước có thể hỗ trợ một phần kinh phí phát sinh cho việc kiểm tra chất lượng nước theo quy định của chính quyền địa phương có liên quan. *(Được sửa đổi ngày 27/1/2016; ngày 26/11/2019).*

(3) Chủ sở hữu hoặc người quản lý các tòa nhà hoặc công trình có quy mô lớn hơn quy mô quy định tại Nghị định của Tổng thống như dưới đây, phải kiểm tra định kỳ các đường ống cấp nước (không bao gồm các đường ống thuộc quyền quản lý của công ty cấp nước) theo quy định tại Thông tư của Bộ Môi trường, và thực hiện các biện pháp cần thiết để xúc rửa, sửa chữa hoặc thay thế các đường ống dựa trên kết quả kiểm tra (sau đây gọi là “các biện pháp, bao gồm cả xúc rửa đường ống”):

1. Các siêu thị theo định nghĩa tại điểm 3, Điều 2, Luật Phát triển ngành phân phối;
2. Các tòa nhà quy định tại Nghị định của Tổng thống trong số các tòa nhà ở nhiều hộ gia đình theo tại điểm 3, Điều 2, Luật Nhà ở;
3. Các công trình giao thông theo điểm 8, khoản (2), Điều 2, Luật Xây dựng;
4. Các cơ sở y tế theo điểm 9, khoản (2), Luật Xây dựng;
5. Các cơ sở được quy định tại Nghị định của Tổng thống trong số các cơ sở nghiên cứu và giáo dục theo điểm 10, khoản (2), Luật Xây dựng;
6. Các cơ sở được quy định tại Nghị định của Tổng thống trong số các cơ sở do Nhà nước hoặc chính quyền địa phương thiết lập theo các điểm từ 11 đến 13, khoản (2), Điều 2, Luật Xây dựng;
7. Các cơ sở kinh doanh theo điểm 14, khoản (2), Điều 2, Luật Xây dựng;

8. Các cơ sở được quy định tại Nghị định của Tổng thống trong số các cơ sở cải tạo hoặc cơ sở quân sự do Nhà nước hoặc chính quyền địa phương thiết lập theo điểm 23, khoản (2), Điều 2, Luật Xây dựng;

9. Các cơ sở khác theo quy định tại các pháp quy địa phương, được cho là cần thiết để cung cấp nước máy an toàn.

(4) Công ty cấp nước có trách nhiệm hướng dẫn và giám sát các biện pháp vệ sinh do chủ sở hữu hoặc người quản lý tòa nhà hoặc công trình nêu ở khoản (2) hoặc (3) thực hiện để khử trùng hoặc xúc rửa đường ống.

(5) Các vấn đề cần thiết liên quan đến biện pháp vệ sinh, bao gồm khử trùng, xúc rửa, tần suất và các hạng mục kiểm tra chất lượng nước, hướng dẫn và giám sát nêu từ khoản (1) đến khoản (4) sẽ được quy định tại Thông tư của Bộ Môi trường: Trường hợp đối với các tòa nhà hoặc công trình khác ngoại trừ các tòa nhà hoặc công trình có quy mô vượt quá quy mô quy định tại khoản (2), chính quyền địa phương hữu quan có thể ban hành các quy định về biện pháp vệ sinh, bao gồm khử trùng.

Điều 34 (Báo cáo quy trình vệ sinh bể chứa nước)

(1) Công ty dịch vụ vệ sinh bể chứa nước (sau đây gọi là “công ty dịch vụ vệ sinh bể chứa nước”) phải đáp ứng các tiêu chí quy định tại Thông tư của Bộ Môi trường về nhân lực, trang thiết bị và phương tiện, và phải báo cáo quy trình vệ sinh dự kiến của mình với Thị trưởng Thành phố tự trị đặc biệt, Tỉnh trưởng Tỉnh tự trị đặc biệt hoặc người đứng đầu thành phố/huyện/quận. Áp dụng tương tự đối với trường hợp thay đổi những nội dung quan trọng trong quy trình vệ sinh theo quy định tại Thông tư của Bộ Môi trường. *(Được sửa đổi ngày 27/12/2007; ngày 25/5/2010; ngày 14/11/2011)*

(2) Thị trưởng Thành phố tự trị đặc biệt, Tỉnh trưởng Tỉnh tự trị đặc biệt hoặc người đứng đầu thành phố/huyện/quận, sau khi nhận được báo cáo về quy trình vệ sinh hoặc báo cáo việc thay đổi quy trình vệ sinh theo khoản (1), sẽ kiểm tra và phê duyệt quy trình vệ sinh đó nếu phù hợp Luật này. *(Được bổ sung ngày 26/11/2019)*

(3) Công ty dịch vụ vệ sinh bể chứa nước đã được phê duyệt quy trình vệ sinh theo khoản (2) phải báo cáo Thị trưởng thành phố tự trị đặc biệt, Tỉnh trưởng Tỉnh tự trị đặc biệt hoặc người đứng đầu thành phố/huyện/quận khi ngừng hoặc chấm dứt hoạt động dịch vụ. *(Được sửa đổi ngày 25/5.2010; ngày 14/11/2011; ngày 26/11/2019)*

(4) Công ty dịch vụ vệ sinh bể chứa nước bị đình chỉ hoạt động kinh doanh dịch vụ theo khoản (1) Điều 35 không được xin phê duyệt quy trình

vệ sinh bể chứa nước trong thời hạn 01 năm kể từ ngày bị đình chỉ kinh doanh. *(Được sửa đổi ngày 26/11/2019)*

Điều 35 (Đình chỉ kinh doanh dịch vụ vệ sinh bể chứa nước)

(1) Công ty dịch vụ vệ sinh bể chứa nước vi phạm một trong các quy định dưới đây có thể bị Thị trường Thành phố tự trị đặc biệt, Tỉnh trưởng Tỉnh tự trị đặc biệt hoặc người đứng đầu thành phố/huyện/quận ra quyết định đình chỉ hoạt động kinh doanh trong thời gian tối đa 03 tháng hoặc đóng cửa địa điểm kinh doanh: *(Được sửa đổi ngày 25/5.2010; ngày 14/11/2011)*

1. Sử dụng các biện pháp gian lận hoặc các phương thức bất hợp pháp khác, để được phê duyệt quy trình vệ sinh bể chứa nước theo Điều 34; hoặc tiến hành công việc vệ sinh bể chứa nước khi chưa được phê duyệt quy trình vệ sinh bể chứa nước.

2. Công ty dịch vụ vệ sinh bể chứa nước không đáp ứng các tiêu chuẩn theo khoản (1) Điều 34.

3. Công ty dịch vụ vệ sinh bể chứa nước vi phạm Luật này hoặc các yêu cầu, quy định khác được ban hành hoặc thực hiện theo Luật này.

(2) Các tiêu chí xử lý vi phạm nêu tại khoản (1) được quy định tại Thông tư của Bộ Môi trường.

Điều 36 (Yêu cầu về trình độ chuyên môn)

(1) Những người dưới đây phải trải qua các khóa đào tạo bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ quản lý công trình nước do Bộ Môi trường tổ chức theo quy định tại Nghị định của Tổng thống.

1. Chủ sở hữu hoặc người quản lý các tòa nhà hoặc công trình quy định tại khoản (2), Điều 33;

2. Người kinh doanh dịch vụ vệ sinh bể chứa nước;

3. Người kinh doanh dịch vụ cấp nước.

4. Người quản lý mạng lưới đường ống cấp nước

(2) Công ty cấp nước sinh hoạt, công ty dịch vụ vệ sinh bể chứa nước và công ty quản lý mạng lưới đường ống cấp nước phải yêu cầu người vận hành hệ thống cấp nước, nhân viên vệ sinh bể chứa nước, người quản lý hệ thống đường ống cấp nước tham dự các khóa đào tạo theo khoản (1), theo quy định tại Nghị định của Tổng thống. *(Được sửa đổi ngày 31/3/2020)*

(3) Bộ trưởng Bộ Môi trường có thể giao nhiệm vụ đào tạo bồi dưỡng theo khoản (1) và khoản (2) cho các cơ sở hoặc tổ chức được chỉ định tại Nghị định của Tổng thống.

Điều 37 (Dừng cấp nước khẩn cấp)

(1) Khi phát hiện nước máy có khả năng gây nguy hiểm cho sức khỏe con người, công ty cấp nước phải dừng cấp nước máy ngay lập tức.

(2) Khi dừng cấp nước theo khoản (1), công ty cấp nước phải thông báo tình hình cho Thị trưởng/Tỉnh trưởng, người dân trong khu vực chịu ảnh hưởng và người đứng đầu các cơ quan liên quan, đồng thời triển khai các biện pháp cần thiết, như kiểm định chất lượng nước máy và cung cấp nước trong tình huống khẩn cấp.

(3) Bất kỳ người nào phát hiện nguồn nước cấp của công ty cấp nước có khả năng gây ảnh hưởng đến sức khỏe con người thì phải thông báo ngay cho công ty cấp nước có liên quan biết.

Điều 38 (Các điều khoản chung về cấp nước)

(1) Công ty cấp nước có trách nhiệm xác định các điều khoản về giá nước máy, chi phí lắp đặt thiết bị cấp nước và các điều kiện khác về cung cấp nước máy theo quy định tại Nghị định của Tổng thống, và phải được cơ quan thẩm quyền phê duyệt trước khi thực hiện việc cấp nước. Quy trình tương tự cũng được áp dụng khi các vấn đề đã được phê duyệt được sửa đổi: trường hợp nhà điều hành công ty cấp nước là chính quyền địa phương, các điều khoản và điều kiện đó sẽ được xác định theo các quy định của địa phương. *(Được sửa đổi ngày 29/2/2008; ngày 28/7/2011)*

(2) Công ty cấp nước và cơ quan thẩm quyền theo khoản (1) phải đảm bảo rằng, tất cả các chi phí phát sinh trong việc lắp đặt các thiết bị cấp nước có liên quan có thể được thu hồi bằng phí dịch vụ cấp nước khi xây dựng, phê duyệt các điều khoản, điều kiện cấp nước.

(3) Trường hợp công ty cấp nước xác định giá dịch vụ cấp nước thì phải công bố công khai giá thành cung ứng dịch vụ, đơn giá dịch vụ, số thu hụt, phương áp bù đắp phần thu hụt, v.v theo quy định tại Thông tư của Bộ Môi trường: áp dụng Điều 11 và 12 của Luật Quản lý các Tổ chức công lập đối với công ty cấp nước là tổ chức công lập theo Điều 4 của Luật nói trên. *(Được bổ sung ngày 30/12/2013)*

(4) Công ty cấp nước có thể giảm giá dịch vụ cấp nước cho những đối tượng dưới đây và các cơ sở công cộng, bao gồm các cơ sở giáo dục và

cơ sở bảo trợ xã hội, theo quy định tại Nghị định của Tổng thống: *(Được bổ sung ngày 25/5/2010; ngày 30/12/2013; ngày 26/11/2019)*

1. Người trên 65 tuổi;
2. Người khuyết tật theo quy định của Luật Bảo trợ người khuyết tật;
3. Người hưởng trợ cấp theo Luật Bảo đảm mức sống tối thiểu quốc gia;
4. Những đối tượng được chính quyền địa phương miễn giảm phí dịch vụ cấp nước theo quy định của địa phương.

Điều 39 (Trách nhiệm cung cấp nước máy)

(1) Công ty cấp nước không được từ chối cung cấp nước máy cho người muốn được cung cấp nước máy nếu không có lý do chính đáng theo quy định tại Nghị định của Tổng thống. *(Được sửa đổi ngày 30/12/2013)*

(2) Trường hợp không thể cung cấp nước máy trong một khoảng thời gian do có lý do chính đáng, công ty cấp nước phải xác định rõ và thông báo công khai trước cho người dân được biết về khu vực và thời gian dừng cấp nước.

(3) Công ty cấp nước phải thông báo bằng văn bản cho người có liên quan về lý do từ chối cung cấp nước máy và thực tế là sẽ từ chối cung cấp nước cho đến khi những lý do đó được khắc phục với thời gian ân hạn tối thiểu là 02 năm. *(Được bổ sung ngày 25/5/2010)*

Điều 40 (Cung cấp nước máy cho các khu vực ngoài khu vực cấp nước)

Trường hợp cần thiết để đảm bảo lợi ích của người tiêu dùng hoặc lợi ích công cộng, Bộ trưởng Bộ Môi trường có thể yêu cầu chính quyền địa phương liên quan là nhà điều hành công ty cấp nước cung cấp nước máy cho các khu vực ngoài khu vực cấp nước của hệ thống cấp nước có liên quan. *(Được sửa đổi ngày 26/5/2020)*

Điều 41 (Cấp nước máy trong tình huống khẩn cấp)

(2) Khi cần đối phó với tình huống khẩn cấp, ví dụ như thiên tai, Thị trưởng/Tỉnh trưởng có thể ra lệnh cho công ty cấp nước liên quan cung cấp nước máy cho các công ty cấp nước khác, dựa trên việc xác định thời gian, khối lượng và cách thức: Trường hợp chủ quản của công ty cấp nước liên quan là Thị trưởng/Tỉnh trưởng, Bộ trưởng Bộ Môi trường là người ban hành lệnh đó.

(2) Giá nước máy được cung cấp theo khoản (1) sẽ được xác định thông qua việc đàm phán giữa các công ty cấp nước liên quan.

(3) Trường hợp việc đàm phán theo khoản (2) không đạt được thỏa thuận, các công ty cấp nước liên quan có thể yêu cầu phán quyết của Ủy ban Hòa giải tranh chấp Môi trường có thẩm quyền theo Luật giải quyết tranh chấp về môi trường, theo quy định tại Nghị định của Tổng thống. (Được sửa đổi ngày 28/7/2011)

(4) Đã bãi bỏ. (Ngày 28/7/2011)

Điều 42 (Dừng hoặc đình chỉ hoạt động cấp nước)

Sau khi đã bắt đầu cung cấp nước máy, công ty cấp nước chung không được dừng hoặc đình chỉ toàn bộ hoặc một phần hoạt động cấp nước của mình, trừ khi được cơ quan thẩm quyền cho phép dừng hoặc đình chỉ cấp nước trong các trường hợp được quy định tại Nghị định của Tổng thống.

Điều 43 (Các điều khoản đặc biệt liên quan đến các thiết bị cấp nước do Nhà nước lắp đặt)

(1) Trong trường hợp Bộ trưởng Bộ Môi trường cho rằng chính quyền địa phương, với tư cách là nhà điều hành công ty cấp nước sinh hoạt, không thể hoặc gặp khó khăn trong việc lắp đặt các thiết bị cấp nước thuộc hệ thống cấp nước sinh hoạt do điều kiện tài chính, kỹ thuật hoặc địa lý, thì Bộ trưởng có thể trực tiếp tổ chức lắp đặt các thiết bị cấp nước cho hệ thống cấp nước sinh hoạt đó. (Được sửa đổi ngày 29/2/2008; ngày 23/3/2013; ngày 8/6/2018)

(2) Bộ trưởng Bộ Môi trường có thể giao việc quản lý các thiết bị cấp nước thuộc hệ thống cấp nước sinh hoạt được lắp đặt theo khoản (1) cho chính quyền địa phương liên quan, hoặc ủy quyền cho Tổng Công ty tài nguyên nước Hàn Quốc quản lý các thiết bị đó. (Được sửa đổi ngày 29/2/2008; ngày 23/3/2013; ngày 8/6/2018)

(3) Khi Bộ trưởng Bộ Môi trường dự định tổ chức lắp đặt các thiết bị cấp nước theo khoản (1) hoặc dự định giao hoặc ủy quyền quản lý các thiết bị cấp nước theo khoản (2) thì phải tham vấn ý kiến của Bộ trưởng Bộ Hành chính và An ninh. Không áp dụng khoản này đối với các thiết bị cấp nước do Bộ trưởng Bộ Môi trường tổ chức lắp đặt và bàn giao cho Tổng Công ty tài nguyên nước Hàn Quốc. (Được sửa đổi ngày 29/2/2008; ngày 23/3/2013; ngày 19/11/2014; ngày 26/7/2017; ngày 8/6/2018)

(4) Bộ trưởng Bộ Môi trường có thể yêu cầu Tổng Công ty nước Hàn Quốc cung cấp nước máy của các hệ thống cấp nước liên vùng cho người tiêu dùng, theo quy định tại Nghị định của Tổng thống. Trong trường hợp đó, Bộ trưởng Bộ Môi trường phải được sự đồng thuận của Thị trưởng Thành phố đặc biệt, Thị trưởng thành phố thủ phủ, Thị trưởng Thành phố tự trị đặc biệt, Tỉnh trưởng tỉnh tự trị đặc biệt hoặc người đứng đầu thành phố/quận/huyện liên quan (không bao gồm huyện thuộc Thành phố thủ phủ). *(Được sửa đổi ngày 29/2/2008; ngày 25/5/2010 ;ngày 14/11/2011; ngày 23/3/2013; ngày 8/6/2018)*

Điều 44 (Mua lại hệ thống cấp nước)

(1) Trong các trường hợp dưới đây, chính quyền địa phương có thể mua lại hệ thống cấp nước của công ty cấp nước trên địa bàn quản lý của mình (trừ trường hợp nhà điều hành công ty cấp nước đó là nhà nước hoặc chính quyền địa phương) cùng với đất đai, thiết bị, công trình gắn liền với công trình cấp nước đó (sau đây gọi là “hệ thống cấp nước v.v) sau khi được Thị trưởng/tỉnh trưởng chấp thuận.

1. Khi công ty cấp nước liên quan không cải thiện điều kiện cấp nước sau khi được yêu cầu cải thiện điều kiện cấp nước theo Điều 65;
2. Khi cần mở rộng hệ thống cấp nước;
3. Khi nước máy được cấp có nguy cơ gây nguy hại cho sức khỏe con người do không đáp ứng các tiêu chuẩn về chất lượng nước theo Điều 26.

(2) Khi chính quyền địa phương muốn mua lại hệ thống cấp nước theo khoản (1) thì phải đàm phán về giá chuyển nhượng, điều kiện chuyển nhượng v.v với công ty cấp nước liên quan.

(3) Trường hợp việc đàm phán theo khoản (2) không đạt được thỏa thuận, chính quyền địa phương và công ty cấp nước liên quan có thể nộp đơn đề nghị Ban thu hồi đất có liên quan phân xử.

(4) Luật thu hồi và bồi thường đất cho các dự án cộng đồng sẽ được áp dụng với những điều chỉnh thích hợp đối với phán quyết của Ban thu hồi đất có liên quan theo quy định tại khoản (3), phán quyết giải quyết khiếu nại và hiệu lực của phán quyết v.v.

Điều 45 (Trụ nước chữa cháy)

Công ty cấp nước phải lắp đặt và quản lý các trụ nước chữa cháy cần thiết cho việc phòng cháy tại địa điểm đặt các công trình cấp nước của mình.

Điều 46 (Mối quan hệ với các văn bản quy phạm pháp luật khác)

(1) Một thực thể dự định tham gia lĩnh vực cấp nước sinh hoạt và đã được cấp giấy phép kinh doanh theo khoản (1) Điều 17 được coi như đã được cấp giấy phép, phê duyệt, chấp thuận (sau đây gọi chung là đã được cho phép, phê duyệt...), và khi thông báo công khai về việc cấp giấy phép giấy phép đó được đưa ra cũng được coi là đã thực hiện thông báo công khai theo các văn bản quy phạm pháp luật dưới đây: *(Được sửa đổi ngày 27/12/2007; ngày 21/3/2008; ngày 9/6/2009; ngày 15/4/2010; ngày 31/5/2010; ngày 28/7/2011; ngày 14/11/2011; ngày 14/1/2014; ngày 3/6/2014)*

1. Theo Luật Quy hoạch và sử dụng đất quốc gia: Quyết định ban hành Kế hoạch quản lý đô thị theo Điều 30 (giới hạn trong lĩnh vực hạ tầng theo điểm 6, Điều 2), cho phép tham gia các hoạt động phát triển theo khoản (1) Điều 56, chỉ định người điều hành dự án quy hoạch đô thị theo Điều 86, phê duyệt kế hoạch thực hiện theo Điều 88;

2. Theo Luật Phục hồi và quản lý các vùng nước công cộng: Giấy phép chiếm dụng và sử dụng các vùng nước công cộng theo Điều 8, phê duyệt hoặc báo cáo các kế hoạch thực hiện liên quan đến chiếm dụng và sử dụng các vùng nước công cộng theo Điều 17, giấy phép phục hồi các vùng nước công cộng theo Điều 28, tham vấn và hoặc phê duyệt dự án phục hồi các vùng nước công cộng do Nhà nước tiến hành v.v theo Điều 35, và phê duyệt kế hoạch phục hồi các vùng nước công cộng theo Điều 38;

3. Đã bãi bỏ; *(Ngày 15/4/2010)*

4. Theo Luật Sông Ngòi: Cho phép triển khai các dự án thi công xây dựng liên quan đến sông ngòi theo Điều 30; cho phép chiếm dụng sông ngòi theo điểm 2 đến điểm 5, khoản (1), Điều 33;

5. Theo Luật đường bộ: cho phép thực hiện các dự án thi công xây dựng đường giao thông theo điều 36 Luật Đường bộ; cho phép chiếm dụng và sử dụng đường bộ theo Điều 61;

6. Theo Luật đất nông nghiệp: cho phép chuyển đổi đất nông nghiệp theo Điều 34;

7. Theo Luật quản lý rừng: cho phép chuyển đổi đất rừng và báo cáo về việc chuyển đổi đất rừng theo Điều 14 và 15; và cho phép sử dụng tạm thời đất rừng và báo cáo việc sử dụng tạm thời đất rừng theo Điều 15-2; cho phép chặt hạ cây rừng v.v và báo cáo việc chặt hạ cây rừng theo khoản (1) và (4) Điều 36, khoản (1) và (2) Điều 45 của Luật Tạo lập và quản lý tài

nguyên rừng: không bao gồm rừng bảo tồn gien các loài cây, rừng ươm, rừng thử nghiệm theo quy định của Luật tạo lập và quản lý tài nguyên rừng;

8. Theo Luật bảo tồn động cỏ: cho phép thay đổi hình thái đất v.v theo Điều 21-2; cho phép chuyển đổi đất trồng cỏ và báo cáo việc chuyển đổi đất trồng cỏ theo Điều 32;

9. Theo Luật về công trình phòng chống xói mòn đất: cho phép chặt hạ cây v.v. theo Điều 14; thu hồi đất để triển khai dự án chống xói mòn đất theo Điều 20;

10. Theo Luật về thiết lập và quản lý dữ liệu không gian: Kiểm tra việc xuất bản các bản đồ v.v theo khoản (3) Điều 15;

11. Theo Luật Phát triển và khu công nghiệp: Chỉ định người điều hành dự án theo khoản (1) Điều 16; phê duyệt kế hoạch thực hiện theo khoản (1) Điều 17, khoản (1) Điều 18 và khoản (1) Điều 19;

12. Theo Luật về lối đi riêng: cho phép mở lối đi riêng theo Điều 4;

13. Theo Luật dịch vụ tang lễ: cho phép di dời các phần mộ vô chủ theo khoản (1) Điều 27, v.v.

(2) Khi cấp giấy phép cho hoạt động kinh doanh nước sinh hoạt theo khoản (1) Điều 17 và xem xét phê duyệt kế hoạch kinh doanh có liên quan đến một trong những nội dung quy định tại khoản (1), cơ quan thẩm quyền cấp giấy phép phải tham khảo ý kiến của thủ trưởng các cơ quan hành chính liên quan.

(3) Các công ty cấp nước sinh hoạt là công ty nhà nước hoặc công ty thuộc chính quyền địa phương đã được cấp giấy phép, v.v theo các pháp luật khác được nêu tại khoản (1) có thể được miễn phí hoặc lệ phí được quy định tại các pháp luật liên quan. Tuy nhiên, không áp dụng quy định này đối với các phí bảo vệ đất nông nghiệp theo Điều 38 Luật đất nông nghiệp và phí hình thành đồng cỏ thay thế theo khoản (6) Điều 23 Luật bảo tồn đồng cỏ.

Điều 47 (Hệ thống cấp nước xã)

(1) Nhà nước và chính quyền địa phương phải hỗ trợ kỹ thuật và nguồn tài chính cần thiết để quản lý hợp vệ sinh các hệ thống cấp nước xã;

(2) Thị trưởng thành phố đặc biệt, Thị trưởng thành phố thủ phủ, Thị trưởng thành phố tự trị đặc biệt, Tỉnh trưởng tỉnh tự trị đặc biệt và người đứng đầu các thành phố/quận/huyện (không bao gồm huyện thuộc thành phố thủ phủ) phải vận hành và quản lý thích hợp các hệ thống cấp nước xã trên địa bàn quản lý hành chính của mình theo quy định tại các văn bản quy

phạm pháp luật có liên quan của địa phương. (Được sửa đổi ngày 25/5/2010; ngày 28/7/2011; ngày 14/11/2011)

(3) Thị trường thành phố đặc biệt, Thị trường thành phố trực thuộc trung ương, Thị trường thành phố tự trị đặc biệt, Tỉnh trưởng tỉnh tự trị đặc biệt và người đứng đầu các thành phố//quận/huyện phải xây dựng và triển khai các biện pháp ngăn ngừa ô nhiễm cho các hệ thống cấp nước xã do việc chôn xác gia súc v.v theo khoản (2) Điều 22 Luật về phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm từ động vật, và hàng năm phải báo cáo tình hình quản lý các hệ thống cấp nước xã cho Bộ trưởng Bộ Môi trường theo quy định tại Thông tư của Bộ Môi trường.

CHƯƠNG III

HOẠT ĐỘNG CẤP NƯỚC CÔNG NGHIỆP

Điều 48 (Công trình cấp nước công nghiệp do Nhà nước xây dựng)

(1) Nhà nước chịu trách nhiệm xây dựng công trình cấp nước phục vụ mục đích sản xuất công nghiệp cho một khu công nghiệp theo quy định tại khoản 8, Điều 2 của Luật về phát triển khu công nghiệp hoặc giao cho một đơn vị kinh doanh cấp nước công nghiệp triển khai xây dựng công trình cấp nước phục vụ mục đích sản xuất công nghiệp cho khu công nghiệp nói trên.

(2) Nhà nước có thể xây dựng các công trình cấp nước công nghiệp để cấp nước sản xuất cho một nhà máy (chỉ đối với những nhà máy có diện tích chiếm đất tối thiểu là 300.000m², được xây dựng trong khu vực cấp nước thuộc quy hoạch phát triển hệ thống cấp nước dân dụng và công nghiệp theo mục 1, khoản (1), Điều 4 của Luật này) theo khoản 1, Điều 2 Luật Xây dựng Nhà máy và Phát triển Cụm Công nghiệp, hoặc giao cho đơn vị kinh doanh hệ thống cấp nước xây dựng công trình cấp nước công nghiệp và cung cấp nước sản xuất công nghiệp cho nhà máy nêu trên.

Điều 49 (Cấp giấy phép kinh doanh công trình nước công nghiệp)

(1) Đơn vị kinh doanh công trình nước công nghiệp phải được Bộ trưởng Bộ Môi trường hoặc Thị trưởng/Tỉnh trưởng cấp giấy phép theo thẩm quyền được quy định dưới đây theo Nghị định của Tổng thống. Quy định này cũng áp dụng tương tự đối với trường hợp thay đổi những nội dung của giấy phép (từ việc thay đổi những nội dung không quan trọng được quy định tại Nghị định của Tổng thống.)

1. Bộ trưởng Bộ Môi trường: công trình cấp nước công nghiệp có công suất cấp nước trên 10.000 tấn/ngày;

2. Thị trường/Tỉnh trưởng: công trình cấp nước công nghiệp có công suất cấp nước đến 10.000 tấn/ngày.

(2) Khi Thị trường/Tỉnh trưởng dự định cấp giấy phép theo điểm 2, khoản (1) thì phải tham vấn trước ý kiến của Bộ trưởng Bộ Môi trường.

Điều 50 (Các điều khoản được áp dụng với những điều chỉnh thích hợp)

Các khoản (3) và (5) Điều 17, Điều 18, 20, khoản (1) và khoản (6) Điều 21, và các điều từ Điều 38 đến Điều 46 được áp dụng với những điều chỉnh thích hợp đối với công trình cấp nước công nghiệp và kinh doanh công trình cấp nước công nghiệp.

CHƯƠNG IV. CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC ĐỘC QUYỀN

Điều 51 (Công trình cấp nước độc quyền do nhà nước lắp đặt)

Các vấn đề liên quan đến công trình cấp nước độc quyền do nhà nước lắp đặt được quy định tại Nghị định của Tổng thống, nếu Luật này chưa quy định rõ.

Điều 52 (Cấp phép cho công trình cấp nước sử dụng riêng)

(1) Bất kỳ người nào có ý định lắp đặt hệ thống cấp nước sử dụng riêng phải xin giấy phép của Thị trường thành phố đặc biệt, Thị trường thành phố trực thuộc trung ương, Thị trường thành phố tự trị đặc biệt, Tỉnh trưởng tỉnh tự trị đặc biệt và người đứng đầu thành phố/huyện (không bao gồm người đứng đầu huyện thuộc thành phố trực thuộc trung ương), các tiêu chí để được cấp giấy phép được quy định tại Nghị định của Tổng thống.

(2) Khi dự định thay đổi những nội dung quan trọng được quy định tại Nghị định của tổng thống trong số các nội dung đã được cấp phép theo khoản (1), thì phải xin cấp phép lại đối với những nội dung đó, khi thay đổi những nội dung khác phải báo cáo về việc thay đổi đó.

(3) Khi người lắp đặt hệ thống cấp nước sử dụng riêng muốn dừng hoặc không tiếp tục sử dụng hệ thống cấp nước đó trong một thời gian xác định, thì phải báo cáo về việc đó với Thị trường thành phố đặc biệt, Thị trường thành phố trực thuộc trung ương, Thị trường thành phố tự trị đặc

biệt, Tỉnh trưởng tỉnh tự trị đặc biệt, hoặc người đứng đầu thành phố/huyện (không bao gồm huyện thuộc thành phố trực thuộc trung ương).

Điều 53 (Các điều khoản được áp dụng với những điều chỉnh thích hợp đối với công trình cấp nước sử dụng riêng)

Các Điều 14, 14-2, 18, 19, khoản (6) Điều 21, Điều 26, khoản (1) và khoản (3) Điều 29 (không bao gồm quy định công bố công khai trên cổng thông tin điện tử), Điều 32, Điều 33, Điều 37 và Điều 61 sẽ được áp dụng với những điều chỉnh thích hợp đối với công trình cấp nước sử dụng riêng.

Điều 54 (Các điều khoản được áp dụng với những điều chỉnh thích hợp đối với công trình cấp nước công nghiệp sử dụng riêng)

Khoản (6) Điều 21, Điều 52 và Điều 61 được áp dụng với những điều chỉnh thích hợp đối với công trình cấp nước công nghiệp sử dụng riêng.

Điều 55 (Hệ thống cấp nước quy mô nhỏ)

(1) Thị trưởng thành phố đặc biệt, Thị trưởng thành phố trực thuộc trung ương, Thị trưởng thành phố tự trị đặc biệt, Tỉnh trưởng tỉnh tự trị đặc biệt hoặc người đứng đầu thành phố/huyện (không bao gồm người đứng đầu huyện thuộc thành phố trực thuộc trung ương) phải thực hiện việc kiểm định chất lượng nước đối với các công trình cấp nước quy mô nhỏ theo quy định tại Thông tư của Bộ Môi trường.

(2) Trường hợp Thị trưởng thành phố đặc biệt, Thị trưởng thành phố trực thuộc trung ương, Thị trưởng thành phố tự trị đặc biệt, Tỉnh trưởng tỉnh tự trị đặc biệt hoặc người đứng đầu thành phố/huyện (không bao gồm người đứng đầu huyện thuộc thành phố trực thuộc trung ương) thấy cần thiết để bảo vệ sức khỏe của người dân hoặc quản lý vệ sinh đối với hệ thống cấp nước nhỏ, hoặc duy trì chất lượng nước có tính đến đặc thù khu vực, thì có thể xây dựng và áp dụng các tiêu chuẩn về chất lượng nước và tần suất kiểm định chất lượng nước cao hơn so với quy định tại Thông tư của Bộ Môi trường, theo quy định của địa phương có liên quan;

(3) Thị trưởng thành phố đặc biệt, Thị trưởng thành phố trực thuộc trung ương, Thị trưởng thành phố tự trị đặc biệt, Tỉnh trưởng tỉnh tự trị đặc biệt hoặc người đứng đầu thành phố/huyện (không bao gồm người đứng đầu huyện thuộc thành phố trực thuộc trung ương) phải nỗ lực nâng cấp và quản lý các công trình cấp nước quy mô nhỏ theo quy định của chính quyền địa phương có liên quan.

(4) Nhà nước và các chính quyền địa phương có thể cung cấp sự hỗ trợ kỹ thuật và tài chính cần thiết để lắp đặt và quản lý vệ sinh các công trình cấp nước nhỏ;

(5) Thị trường thành phố đặc biệt, Thị trường thành phố trực thuộc trung ương, Thị trường thành phố tự trị đặc biệt, Tỉnh trưởng tỉnh tự trị đặc biệt hoặc người đứng đầu thành phố/huyện phải xây dựng và thực hiện các biện pháp phòng ngừa ô nhiễm các công trình cấp nước nhỏ do hoạt động chôn xác gia súc v.v theo khoản (2) Điều 22 Luật phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm từ động vật, hàng năm phải báo cáo tình hình quản lý các công trình cấp nước quy mô nhỏ với Bộ trưởng Bộ Môi trường theo quy định tại Thông tư của Bộ Môi trường.

(6) Thị trường thành phố đô thị đặc biệt, Thị trường thành phố đô thị, Thị trường thành phố tự trị đặc biệt, Tỉnh trưởng tỉnh tự trị đặc biệt hoặc người đứng đầu thành phố/huyện (không bao gồm người đứng đầu huyện thuộc Thành phố trực thuộc trung ương) phải thực hiện các chính sách hỗ trợ việc quản lý hệ thống cấp nước nhỏ, bao gồm bổ nhiệm người có chuyên môn về cấp nước và đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại thông tư của Bộ Môi trường làm người quản lý hệ thống cấp nước nhỏ.

Điều 55-2 (Các điều khoản đặc biệt liên quan đến các công trình cung cấp nước máy trong khu vực đơn vị quân đội)

Nhà nước và các chính quyền địa phương cần cung cấp sự hỗ trợ kỹ thuật và tài chính cần thiết cho việc lắp đặt các công trình cung cấp nước máy và vệ sinh ở trong khu vực đơn vị quân đội, những nơi khó triển khai dịch vụ cấp nước sinh hoạt do điều kiện địa lý khó khăn, v.v.

CHƯƠNG V. HIỆP HỘI CẤP NƯỚC VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI HÀN QUỐC

Điều 56 (Việc thành lập Hiệp hội cấp nước và nước thải Hàn Quốc)

(1) Các đơn vị cấp nước, cơ quan thẩm quyền quản lý thoát nước theo Điều 18 của Luật Thoát nước, các doanh nghiệp liên quan đến công trình nước (bao gồm cả thoát nước), các nhà nghiên cứu trong lĩnh vực cấp nước và những người khác được xác định theo Nghị định của Tổng thống..., có thể thành lập Hiệp hội cấp nước và nước thải Hàn Quốc (sau đây gọi là "Hiệp hội"), để thực hiện các hoạt động nghiên cứu - triển khai và phát triển các công nghệ cấp nước, đóng góp cho sự phát triển của ngành nước.

(2) Hiệp hội được tổ chức theo mô hình doanh nghiệp.

(3) Hiệp hội hình thành sau khi đăng ký thành lập tại địa phương nơi đặt trụ sở chính.

(4) Kinh phí hoạt động của Hiệp hội do các hội viên đóng góp, ví dụ như các công ty cấp nước, lợi nhuận của các hoạt động, các chính quyền địa phương và Tổng Công ty tài nguyên nước Hàn Quốc có thể hỗ trợ một phần kinh phí trong khuôn khổ ngân sách.

(5) Khi Hiệp hội được thành lập theo khoản (1), các công ty cấp nước (không bao gồm công ty cấp nước tư nhân) và các cơ quan quản lý ngành nước mặc nhiên là thành viên chính thức của Hiệp hội.

Điều 57 (Ban lãnh đạo của Hiệp hội và cách thức bầu chọn ban lãnh đạo)

(1) Hiệp hội sẽ có một chủ tịch, ban giám đốc và một kiểm soát viên;

(2) Các lĩnh vực hoạt động của Hiệp hội được quy định tại Nghị định của Tổng thống.

(3) Các vấn đề cần thiết về số lượng, nhiệm kỳ công tác, phương thức bầu chọn v.v đối với các thành viên lãnh đạo của Hiệp hội sẽ được quy định tại Điều lệ của Hiệp hội.

Điều 58 (Công tác giám sát)

Bộ trưởng Bộ Môi trường có thể yêu cầu Hiệp hội điều tra khảo sát các vấn đề liên quan đến công trình cấp nước hoặc xây dựng các báo cáo cần thiết phục vụ công tác quản lý của Bộ.

Điều 59 (Áp dụng có điều chỉnh thích hợp đối với Luật Dân sự)

Đối với Hiệp hội, các quy định liên quan đến công ty nhiều thành viên theo Luật Dân sự sẽ được áp dụng với những điều chỉnh thích hợp, trừ các trường hợp được quy định cụ thể tại Luật này.

CHƯƠNG VI. THU HỒI VÀ SỬ DỤNG ĐẤT

Điều 60 (Trung dụng và sử dụng đất)

(1) Khi cần thiết cho hoạt động cấp nước, các công ty cấp nước có thể trung dụng hoặc sử dụng đất, trình tự thủ tục và quyền liên quan đến đất được quy định tại Điều 3 của Luật thu hồi và bồi thường đất cho các dự án công trình công cộng.

(2) Khi giấy phép kinh doanh cấp nước được cấp và được thông báo công khai theo khoản (1) và khoản (3) Điều 17 (bao gồm các trường hợp được áp dụng với những điều chỉnh thích hợp theo Điều 50), việc cấp phép đó cũng được coi là cấp phép dự án hoặc thông báo công khai việc cấp phép dự án theo khoản (1) Điều 20 và Điều 22 của Luật thu hồi và bồi thường đất cho các dự án công trình công cộng, không kể các quy định tại khoản (1) Điều 23 và khoản (1) Điều 28 của Luật thu hồi và bồi thường đất cho các dự án công trình công cộng, việc xin phê duyệt phải thực hiện trước khi hoàn thành công trình cấp nước.

(3) Trừ các vấn đề đã được quy định rõ tại Luật này, Luật thu hồi và bồi thường đất cho các dự án công trình công cộng được áp dụng với những điều chỉnh thích hợp đối với việc trưng dụng hoặc sử dụng đất v.v.

Điều 60-2 (Bồi thường đối với trường hợp sử dụng không gian ngầm)

(1) Trường hợp công ty cấp nước sử dụng không gian ngầm trong đất của người khác để thực hiện công trình cấp nước thì phải bồi thường tiền sử dụng đất có tính đến giá trị sử dụng đất, độ sâu khai thác và ảnh hưởng của công trình cấp nước đối với việc sử dụng đất đó.

(2) Tiêu chuẩn và phương thức bồi thường cho việc sử dụng không gian ngầm theo khoản (1) được quy định tại Nghị định của Tổng thống.

Điều 60-3 (Đăng ký quyền bề mặt đối với phần đất được phân ranh giới)

(1) Khi đạt được thỏa thuận về việc sử dụng không gian ngầm trong đất của người khác là chủ sở hữu hoặc người có quyền sử dụng đất đó v.v theo Luật thu hồi và bồi thường đất cho các dự án công trình công cộng, công ty cấp nước phải thiết lập hoặc chuyển nhượng quyền bề mặt đã được phân chia theo thỏa thuận.

(2) Sau khi nhận được quyết định cho phép chiếm dụng hoặc sử dụng đất mà công ty đã thiết lập hoặc chuyển nhượng quyền bề mặt đối với phần đất đã được phân ranh giới theo Luật thu hồi và bồi thường đất cho các dự án công trình công cộng, công ty cấp nước có thể nộp hồ sơ đăng ký thiết lập hoặc đăng ký chuyển nhượng quyền bề mặt và áp dụng Điều 99 của Luật Đăng ký bất động sản với những điều chỉnh thích hợp.

(3) Trình tự thủ tục về đăng ký quyền bề mặt được phân chia liên quan đất việc sử dụng không gian ngầm được quy định bởi Quy tắc của Tòa án tối cao Hàn Quốc.

(4) Không kể các Điều 280 và 281 của Bộ luật dân sự, quyền bề mặt theo khoản (1) và (2) sẽ tồn tại song hành với sự tồn tại của công trình cấp nước.

Điều 61 (Quyền tiếp cận khu đất của bên thứ ba)

(1) Khi cần thiết để thực hiện hoạt động cấp nước hoặc kiểm tra các công trình cấp nước, công ty cấp nước có thể tiếp cận hoặc sử dụng tạm thời khu đất của bên thứ 3. Trường hợp đặc biệt cần thiết, công ty cấp nước có thể dịch chuyển vị trí hoặc di dời cây cối, đất đá và các vật dụng khác của khu đất đó.

(2) Đối với các trường hợp theo khoản (1), áp dụng khoản (2) đến khoản (8) Điều 130 của Luật Quy hoạch và sử dụng đất quốc gia với những điều chỉnh thích hợp. Trong các trường hợp đó, thuật ngữ “người thực hiện dự án quy hoạch đô thị/huyện” được hiểu là “công ty cấp nước” trong Luật này.

CHƯƠNG VII. GIÁM SÁT

Điều 62 (Giám sát và quản lý)

Khi cần thiết để xây dựng kế hoạch cấp nước và quản lý hoạt động cấp nước nhằm duy trì và nâng cao chất lượng nước máy, vận hành và quản lý các công trình cấp nước một cách hiệu quả, Bộ trưởng Bộ Môi trường có thể yêu cầu đơn vị cấp nước rà soát sửa đổi kế hoạch kinh doanh, hoặc ra lệnh cho đơn vị cấp nước cải tiến công tác quản lý vận hành, hoặc có thể tiến hành các biện pháp cần thiết khác.

Điều 63 (Các biện pháp xử lý các đơn vị cấp nước có sai phạm quy định về cấp nước)

(1) Cơ quan thẩm quyền sẽ thu hồi giấy phép theo Luật này đối với các công ty cấp nước hoặc người lắp đặt công trình cấp nước độc quyền nếu vi phạm một trong các khoản dưới đây:

1. Chậm khởi công hoặc chậm hoàn thành công trình cấp nước hoặc công trình cấp nước độc quyền đã được cấp giấy phép một năm tính từ ngày dự kiến khởi công hoặc hoàn thành công trình theo kế hoạch.

2. Chậm cung cấp nước máy 6 tháng tính từ ngày dự kiến bắt đầu cung cấp nước máy của công trình cấp nước đã được cấp phép.

3. Sử dụng các biện pháp gian lận hoặc bất hợp pháp để được cấp giấy phép, chấp thuận hoặc phê duyệt theo Luật này.

(2) Trường hợp các công ty cấp nước (bao gồm cả bên nhận ủy thác) hoặc người lắp đặt các công trình cấp nước độc quyền vi phạm một trong các khoản dưới đây, cơ quan thẩm quyền có thể thu hồi giấy phép theo Luật này, ban hành quyết định đình chỉ hiệu lực của giấy phép, đình chỉ hoạt động thi công xây dựng, xây dựng lại, cải tạo, di dời, phá dỡ công trình, hoặc tiến hành các biện pháp cần thiết khác.

1. Bán nước máy đóng chai hoặc bán nước máy sau khi sử dụng thiết bị để xử lý lại nước máy, v.v. vi phạm khoản (1) Điều 13;

2. Sửa đổi nội dung giấy phép khi chưa được sự chấp thuận theo khoản (1) Điều 17, ngoại trừ các tiểu khoản, hoặc khoản (1) Điều 49, ngoại trừ các tiểu khoản;

3. Các công trình cấp nước không đáp ứng các tiêu chuẩn về công trình cấp nước theo quy định tại Luật này, vi phạm Điều 18 (áp dụng cho cả các trường hợp quy định tại Điều 50 hoặc Điều 53);

4. Không kiểm định chất lượng nước và cung cấp nước máy khi chưa tiến hành kiểm định chất lượng, vi phạm Điều 19 (áp dụng cho cả các trường hợp quy định tại Điều 50 hoặc Điều 53);

5. Không bổ nhiệm người quản lý công trình cấp nước theo khoản (6) Điều 21 (áp dụng cho cả các trường hợp quy định tại Điều 50, 53 hoặc 54) hoặc không sử dụng người quản lý vận hành các công trình lọc nước có chứng chỉ năng lực theo khoản (7) hoặc người quản lý vận hành hệ thống đường ống nước có chứng chỉ năng lực theo khoản (8);

6. Không báo cáo việc ký kết hợp đồng ủy thác theo khoản (2) Điều 23 (áp dụng cho cả các trường hợp quy định tại Điều 50);

7. Không thông báo cho người dân biết các chi tiết vi phạm v.v về tiêu chuẩn chất lượng nước, vi phạm khoản (1) Điều 27 hoặc không triển khai thực hiện các biện pháp khắc phục cần thiết;

8. Không đáp ứng các tiêu chuẩn lọc nước theo khoản (1) Điều 28 (áp dụng cho cả các trường hợp quy định tại khoản (3) Điều 23) hoặc không thực hiện yêu cầu triển khai các giải pháp theo khoản (8) Điều 28 (áp dụng cho cả các trường hợp quy định tại khoản (3) Điều 23);

9. Không kiểm định chất lượng nước và phân tích nguồn nước, hoặc không lưu giữ hồ sơ kiểm định và phân tích nói trên, vi phạm khoản (1) và khoản (3) Điều 29 (áp dụng cho cả các trường hợp quy định tại khoản (3) Điều 23 và Điều 53);

10. Không báo cáo về chất lượng nước máy, vi phạm khoản (1) Điều 31;

11. Vi phạm các quy định về kiểm tra sức khỏe theo Điều 32 (áp dụng cho cả các trường hợp quy định tại khoản (3) Điều 23 và Điều 53);

12. Không tiến hành các biện pháp vệ sinh cần thiết, ví dụ như khử trùng v.v, theo khoản (1) Điều 33 (áp dụng cho cả các trường hợp quy định tại khoản (3) Điều 23 và Điều 53) hoặc không hướng dẫn hoặc không giám sát theo khoản (4) Điều 33;

13. Không cử đi đào tạo tập huấn đối với các nhân sự cần thiết cho việc vận hành hệ thống cấp nước, vi phạm điều 36 (áp dụng cho cả các trường hợp quy định tại khoản (3) Điều 23);

14. Vi phạm quy định về dừng cấp nước khẩn cấp theo Điều 37 (áp dụng cho cả các trường hợp quy định tại khoản (3) Điều 23 và Điều 53);

15. Trường hợp chưa được sự chấp thuận của cơ quan thẩm quyền hoặc chưa được chấp thuận đối với việc điều chỉnh, vi phạm khoản (1) Điều 38 (áp dụng cho cả các trường hợp quy định tại Điều 50);

16. Trường hợp từ chối cấp nước mà không có lý do chính đáng, vi phạm Điều 39 (áp dụng cho cả các trường hợp quy định tại Điều 50) hoặc không thông báo công khai trước cho người dân biết việc không thể cấp nước vì lý do bất khả kháng;

17. Không triển khai thực hiện Lệnh hỗ trợ cấp nước khẩn cấp theo khoản (1) Điều 41 (áp dụng cho cả các trường hợp quy định tại Điều 50);

18. Trường hợp dừng hoặc chấm dứt hoạt động kinh doanh cấp nước sinh hoạt khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép, vi phạm Điều 42 (áp dụng cho cả các trường hợp quy định tại Điều 50);

19. Trường hợp không lắp đặt và quản lý trụ cứu hỏa của công trình cấp nước, vi phạm Điều 45 (áp dụng cho cả các trường hợp quy định tại Điều 50)

20. Trường hợp đã thực hiện các hành vi theo khoản (1) Điều 61 nhưng chưa được sự cho phép hoặc chấp thuận theo khoản (2) đến khoản (4) Điều 130 của Luật Quy hoạch và sử dụng đất quốc gia được áp dụng với những điều chỉnh thích hợp theo khoản (2) Điều 61 (áp dụng cho cả các trường hợp quy định tại khoản (3) Điều 23, Điều 53 và Điều 54);

21. Trường hợp không tuân thủ lệnh áp dụng các biện pháp theo Điều 62;

22. Trường hợp không tuân thủ lệnh cải tiến theo các khoản từ (1) đến (4) Điều 64;

23. Trường hợp không tuân thủ lệnh sửa đổi theo Điều 65;

24. Trường hợp từ chối, can thiệp hoặc trốn tránh kiểm tra hoặc không nộp báo cáo theo khoản (1) Điều 66;

Điều 64. Lệnh cải tiến

(1) Trường hợp cơ quan thẩm quyền nhận thấy công trình cấp nước không đáp ứng các tiêu chí quy định tại Luật này thì có thể ra lệnh cho công ty cấp nước hoặc người lắp đặt công trình cấp nước độc quyền tiến hành cải tạo nâng cấp các công trình cấp nước có liên quan trong một thời hạn xác định.

(2) Trường hợp cơ quan thẩm quyền nhận thấy công tác quản lý các công trình cấp nước không được tốt, thì có thể ban hành các lệnh cần thiết đối với công ty cấp nước hoặc người lắp đặt công trình cấp nước độc quyền có liên quan.

(3) Trong trường hợp thiên tai hoặc các sự cố khác làm ô nhiễm nước v.v. tác động tiêu cực hoặc có nguy cơ tác động tiêu cực đến việc cấp nước ở cấp độ lớn, cơ quan thẩm quyền có thể ban hành các lệnh cần thiết đối với công ty cấp nước hoặc người lắp đặt công trình cấp nước độc quyền.

(4) Bộ trưởng Bộ Môi trường phải tiến hành điều tra sự cố ô nhiễm nước máy tại các công trình cấp nước do công ty cấp nước vận hành, yêu cầu công ty cấp nước cải tiến công tác quản lý và vận hành các công trình cấp nếu thấy cần thiết và dựa trên kết quả kiểm tra;

(5) Sau khi nhận được lệnh cải tiến theo các khoản từ (1) đến (4), trong vòng 01 tháng, đơn vị cấp nước phải thực hiện việc cải tiến hoặc xây dựng và trình kế hoạch thực hiện cải tiến, trừ trường hợp có lý do chính đáng;

(6) Điều 131 Luật Quy hoạch và sử dụng đất quốc gia được áp dụng với điều chỉnh thích hợp trong trường hợp lệnh do cơ quan thẩm quyền ban hành theo các khoản từ (1) đến khoản (4) gây ra thiệt hại.

Điều 65 (Sửa đổi điều khoản về cấp nước)

Khi cơ quan thẩm quyền nhận thấy các điều khoản sau đây là không hợp lý, ví dụ như giá nước máy, việc chia sẻ chi phí lắp đặt các thiết bị cấp nước hoặc các điều kiện khác về cấp nước được quy định trong hợp đồng cấp nước do công ty cấp nước, không phải là chính quyền địa phương, xây

dụng theo khoản (1) Điều 38, thì cơ quan thẩm quyền phải yêu cầu công ty cấp nước sửa đổi.

Điều 66 (Yêu cầu báo cáo)

(1) Cơ quan có thẩm quyền có thể cử các công chức có liên quan vào các cơ sở liên quan đến nhà máy nước để kiểm tra các tài liệu, cơ sở vật chất, thiết bị và chất lượng nước hoặc yêu cầu công ty cấp nước hoặc người lắp đặt công trình nước độc quyền xây dựng các báo cáo cần thiết để xác minh việc đáp ứng các tiêu chuẩn về công trình, thiết bị (bao gồm tiêu chuẩn sử dụng vật liệu và sản phẩm cho nhà máy nước theo Điều 14(3)) cũng như tiêu chuẩn về chất lượng nước.

(2) Người thực hiện kiểm tra theo khoản (1) phải mang theo giấy tờ công vụ và xuất trình cho những người có liên quan.

CHƯƠNG VIII. CÁC ĐIỀU KHOẢN BỔ SUNG

Điều 67 (Quyền tài phán đối với các công trình cấp nước)

Thẩm quyền quản lý của Thị trưởng /Tỉnh trưởng đối với đơn vị kinh doanh hệ thống cấp nước có phạm vi cấp nước thuộc địa bàn từ 2 tỉnh/thành phố trở lên hoặc đối với hệ thống cấp nước sử dụng riêng sẽ được xác định và thực hiện trên cơ sở sự trao đổi ý kiến thống nhất giữa các tỉnh/thành phố liên quan.

Điều 68. (Truy thu tiền nước đối với người sử dụng nước máy)

(1) Trường hợp khách hàng sử dụng nước máy không thanh toán tiền nước, các chi phí cần thiết cho việc lắp đặt thiết bị cấp nước hoặc chi phí bồi thường thiệt hại theo quy định tại Điều 71, đơn vị kinh doanh hệ thống cấp nước là chính quyền địa phương có thể truy thu tiền nước của các khách hàng đó thông qua cơ chế truy thu thuế của địa phương.

(2) Chính quyền địa phương cung cấp nước máy cho các khu vực khác nằm ngoài địa bàn hành chính của mình theo Điều 40 có thể ủy thác cho chính quyền địa phương có thẩm quyền quản lý các khu vực đó truy thu tiền nước theo khoản (1).

(3) Chính quyền địa phương quản lý hệ thống cấp nước sẽ chi 4% số tiền thu được cho chính quyền địa phương được ủy thác truy thu tiền nước theo khoản (2).

Điều 69 (Các hạn chế đối với việc sử dụng nguồn thu tiền nước)

Các đơn vị kinh doanh hệ thống cấp nước, trừ Tổng công ty tài nguyên nước Hàn Quốc, không được sử dụng nguồn thu tiền nước để trang trải cho các khoản chi không liên quan đến hoạt động cấp nước hoặc cho các vấn đề được quy định tại Nghị định của Tổng thống.

Điều 70 (Trách nhiệm về chi phí xây dựng hệ thống cấp nước)

Chi phí xây dựng hệ thống cấp nước (không bao gồm các thiết bị cấp nước) sẽ do đơn vị kinh doanh hệ thống cấp nước liên quan chịu trách nhiệm.

Điều 71 (Chi phí bồi thường thiệt hại)

(1) Trong quá trình thi công xây dựng hệ thống cấp nước, đơn vị kinh doanh hệ thống cấp nước có thể yêu cầu người làm phát sinh chi phí (bao gồm cả người lắp đặt mới, mở rộng v.v các công trình cấp nước trong nhà chung cư hoặc cơ sở công nghiệp v.v sử dụng nhiều nước máy), hoặc người đã làm một việc hoặc có hành vi gây thiệt hại cho các công trình cấp nước phải chịu toàn bộ hoặc một phần chi phí phát sinh cho việc xây dựng hệ thống cấp nước liên quan, bảo trì các công trình cấp nước hoặc bảo vệ các công trình cấp nước tránh các thiệt hại.

(2) Các tiêu chí để tính toán mức bồi thường theo khoản (1), cách thức truy thu tiền bồi thường và các vấn đề cần thiết khác sẽ được quy định tại Nghị định của Tổng thống.

(3) Số tiền bồi thường theo khoản (1) chỉ được sử dụng để trang trải các chi phí liên quan đến công tác xây dựng, ví dụ như lắp đặt, mở rộng, tháo dỡ và lắp đặt, lắp đặt lại và sửa chữa hệ thống cấp nước.

Điều 72 (Thanh toán tiền nước)

Khách hàng sử dụng nước máy do đơn vị kinh doanh hệ thống cấp nước là chính quyền địa phương cung cấp hoặc người bị buộc phải bồi thường cho đơn vị kinh doanh hệ thống cấp nước theo khoản (1) Điều 71 có thể thanh toán tiền nước hoặc tiền bồi thường bằng thẻ tín dụng hoặc thẻ ghi nợ theo Luật kinh doanh tài chính tín dụng hoặc bằng tiền điện tử, thanh toán điện tử v.v thông qua hệ thống mạng thông tin viễn thông theo quy định tại các văn bản pháp quy của địa phương liên quan.

Điều 73 (Nghiên cứu và phát triển các công nghệ)

(1) Nhằm thúc đẩy nghiên cứu và phát triển các công nghệ cấp nước, Bộ trưởng Bộ Môi trường có thể ban hành một kế hoạch về nghiên cứu và phát triển công nghệ, giao cho một tổ chức, viện nghiên cứu, hoặc một đơn vị kinh doanh được nêu tại khoản (1), Điều 5 của Luật hỗ trợ công nghiệp

và công nghệ môi trường, thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu triển khai, đồng thời hỗ trợ các đơn vị đó trong quá trình thực hiện.

(2) Để thực hiện hiệu quả việc đào tạo bồi dưỡng nhân lực trong lĩnh vực cấp nước, Bộ trưởng Bộ Môi trường cần xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng về cấp nước và giao nhiệm vụ đào tạo bồi dưỡng đó cho một viện nghiên cứu chuyên ngành cấp nước với những hỗ trợ cần thiết.

(3) Bộ trưởng Bộ Môi trường và lãnh đạo các chính quyền địa phương cần xây dựng các chính sách nhằm cung cấp hướng dẫn kỹ thuật và các chương trình đào tạo cán bộ kỹ thuật để hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất thiết bị, máy móc, vật tư ngành nước và đào tạo các chuyên gia về hệ thống cấp nước.

Điều 74 (Kiểm tra kỹ thuật đối với hệ thống cấp nước)

(1) Đơn vị kinh doanh hệ thống cấp nước phải tiến hành đánh giá kỹ thuật theo định kỳ 5 năm một lần đối với hệ thống cấp nước do mình quản lý, bao gồm các cơ sở lọc nước và hệ thống đường ống cấp nước, theo quy định tại Thông tư của Bộ Môi trường, xây dựng và thực hiện kế hoạch cải tạo hệ thống cấp nước dựa trên các kết quả đánh giá kỹ thuật đó.

(2) Đơn vị kinh doanh hệ thống cấp nước phải cử người đáp ứng các tiêu chí quy định tại Thông tư của Bộ Môi trường để tiến hành đánh giá kỹ thuật theo khoản (1).

(3) Đơn vị kinh doanh hệ thống cấp nước phải báo cáo cơ quan thẩm quyền về kết quả kiểm tra kỹ thuật và kết quả của việc xây dựng và thực hiện kế hoạch cải tạo hệ thống cấp nước theo khoản (1) trong thời hạn quy định tại Thông tư của Bộ Môi trường.

Điều 74-2 (Thành lập và vận hành Trung tâm thông tin cấp nước quốc gia)

(1) Bộ trưởng Bộ Môi trường phải thành lập và vận hành Trung tâm thông tin cấp nước quốc gia (sau đây, trong điều này gọi là “Trung tâm”) để quản lý và sử dụng hiệu quả các kết quả kiểm tra chất lượng nước và phân tích nguồn nước, tình trạng của các cơ sở sản xuất và cung cấp nước, và các dữ liệu về đánh giá dịch vụ cấp nước.

(2) Nếu thấy cần thiết cho hoạt động của Trung tâm, Bộ trưởng Bộ Môi trường có thể yêu cầu các đơn vị kinh doanh hệ thống cấp nước cung cấp các dữ liệu liên quan.

(3) Ngoài các quy định tại khoản (1) và (2), những vấn đề cần thiết liên quan đến việc thành lập và vận hành Trung tâm sẽ do Bộ trưởng Bộ Môi trường quyết định và thông báo công khai.

Điều 75 (Trợ cấp từ ngân sách nhà nước)

Nhà nước có thể cung cấp cho đơn vị kinh doanh hệ thống cấp nước một khoản trợ cấp hoặc khoản vay để trang trải các chi phí phát sinh trong hoạt động cấp nước. Đối với các đơn vị kinh doanh hệ thống cấp nước là chính quyền địa phương, Nhà nước sẽ hỗ trợ toàn bộ hoặc một phần chi phí cho việc xây dựng mới các hệ thống cấp nước, cải tạo hệ thống cấp nước bị xuống cấp, vận hành các cơ sở khử mặn nước biển theo quy định tại Nghị định của Tổng thống và căn cứ mức độ hỗ trợ tài chính của các chính quyền địa phương liên quan.

Điều 76 (Hỗ trợ người dân phải di dời chỗ ở khỏi khu vực bị ngập do việc xây dựng đập chứa nước phục vụ mục đích cấp nước)

Áp dụng các Điều 39 và 40 của Luật Xây dựng Đập và hỗ trợ di dời với những điều chỉnh phù hợp đối với việc hỗ trợ người dân phải di dời chỗ ở khỏi khu vực bị ngập do việc xây dựng đập chứa nước phục vụ mục đích cấp nước. Trong các trường hợp đó, thuật ngữ “Người được giao quản lý đập” và “Người được dự kiến giao quản lý đập” theo Luật Xây dựng đập và hỗ trợ di dời được hiểu là “đơn vị kinh doanh hệ thống cấp nước” theo Luật này.

Điều 77 (Bán hoặc cho thuê đất sở hữu quốc gia)

Đối với đất được coi là tài sản của Nhà nước và cần thiết trực tiếp cho việc kinh doanh hệ thống cấp nước, Nhà nước có thể bán, hoặc cho đơn vị kinh doanh hệ thống cấp nước thuê theo hợp đồng, không kể cả các trường hợp theo quy định tại Điều 43 Luật Tài sản Nhà nước.

Điều 78 (Phân cấp hoặc ủy quyền)

(1) Bộ trưởng Bộ Môi trường có thể phân cấp một phần thẩm quyền của mình theo Luật này cho Thị trưởng/Tỉnh trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan môi trường, theo quy định tại Nghị định của Tổng thống.

(2) Bộ trưởng Bộ Môi trường có thể ủy quyền một phần nhiệm vụ của mình theo Luật này cho Tổng Công ty Môi trường Hàn Quốc, Tổng Công ty tài nguyên nước Hàn Quốc, Hiệp hội hoặc cho một tổ chức làm công tác kiểm định và phê duyệt, theo quy định tại Nghị định của Tổng thống.

Điều 79 (Lấy ý kiến)

Khi Bộ trưởng Bộ Môi trường, Thị trưởng/Tỉnh trưởng, hoặc người đứng đầu các thành phố/quận/huyện dự định thực hiện các quyết định như dưới đây thì phải lấy ý kiến các bên liên quan:

1. Thu hồi giấy chứng nhận đã cấp theo khoản (1) Điều 14-2;
2. Thu hồi đăng ký kinh doanh tiết kiệm nước theo Điều 15-3;
3. Thu hồi chứng chỉ hành nghề của người vận hành công trình lọc nước theo Điều 25;
4. Ban hành quyết định đóng cửa kinh doanh đối với doanh nghiệp kinh doanh vệ sinh bể chứa nước theo Điều 35;
5. Thu hồi giấy phép kinh doanh hệ thống cấp nước theo Điều 63;

Điều 80 (Quy tắc pháp lý khi áp dụng các chế tài xử lý đối với công chức nhà nước)

Các pháp nhân thực hiện các công việc được ủy quyền theo Điều 23 (bao gồm cả các trường hợp theo Điều 50 cũng áp dụng tương tự), khoản (2) Điều 78, và người quản lý, hoặc nhân viên của pháp nhân đó được coi là công chức nhà nước khi áp dụng các chế tài xử lý theo Điều 129 đến Điều 132 của Bộ luật Hình sự.

CHƯƠNG IX. CÁC CHẾ TÀI XỬ PHẠT

Điều 81 (Các chế tài xử phạt)

Những người sau đây sẽ bị phạt tù cải tạo lao động đến 05 năm hoặc bị phạt tiền đến 50 triệu uôn:

1. Người tiến hành kinh doanh hệ thống cấp nước khi chưa có giấy phép theo khoản (1) Điều 16, hoặc theo khoản (1) Điều 49;
2. Người điều hành kinh doanh hệ thống cấp nước (bao gồm cả người được ủy quyền) hoặc người lắp đặt hệ thống cấp nước sử dụng riêng không kịp thời dừng cấp nước máy, vi phạm khoản (1) Điều 33 (Bao gồm các trường hợp áp dụng điều khoản trên với những điều chỉnh thích hợp theo khoản (3) Điều 23 và Điều 53).

Điều 82 (Các chế tài xử phạt)

Những người dưới đây sẽ bị phạt tù cải tạo lao động đến 03 năm hoặc bị phạt tiền đến 30 triệu uôn:

1. Người bán nước máy sau khi đã đóng chai hoặc xử lý lại bằng thiết bị v.v, vi phạm khoản (1) Điều 13;

2. Người không thực hiện yêu cầu thu hồi v.v theo khoản (1) Điều 14-4.

Điều 83 (Các chế tài xử phạt)

Những người dưới đây sẽ bị phạt tù cải tạo lao động đến 2 năm hoặc bị phạt tiền đến 20 triệu uôn:

1. Người vi phạm các quy định cấm hoặc hạn chế theo khoản (3) hoặc khoản (4) Điều 7;

1-2. Người sử dụng biện pháp gian lận hoặc bất hợp pháp khác để được cấp giấy phép theo khoản (1) Điều 14;

1-3. Người không được cấp giấy phép hoặc sản xuất, nhập khẩu, cung cấp hoặc bán các sản phẩm v.v mà qua công tác kiểm tra định kỳ hoặc kiểm tra đột xuất theo khoản (8) Điều 14 phát hiện ra là không đáp ứng các tiêu chuẩn, vi phạm khoản (2), Điều 14;

1-4. Người sử dụng các vật tư hoặc sản phẩm dùng cho hệ thống cấp nước chưa có giấy chứng nhận chất lượng, hoặc không đáp ứng các tiêu chuẩn về chất lượng, vi phạm khoản (3), Điều 14;

1-5. Người in nhãn chất lượng lên vật tư hoặc sản phẩm hoặc trên bao bì sản phẩm, dùng cho hệ thống cấp nước trong khi chưa được cấp giấy chứng nhận chất lượng, vi phạm khoản (5) Điều 14;

2. Người điều hành đơn vị kinh doanh hệ thống cấp nước thay đổi các nội dung đã được cấp phép khi chưa được chấp thuận theo khoản (1) Điều 17 hoặc theo khoản (1) Điều 19;

3. Người lắp đặt các bể chứa nước không đáp ứng các tiêu chuẩn, vi phạm khoản (3), Điều 18;

4. Người lắp đặt các hệ thống cấp nước kết nối với đường ống cấp nước máy hiện hữu, làm thay đổi hoặc làm hư hỏng hệ thống cấp nước, vi phạm Điều 20 (bao gồm cả các trường hợp áp dụng điều khoản trên với những điều chỉnh thích hợp theo Điều 50);

5. Người cho người khác mượn chứng chỉ hành nghề của mình, vi phạm khoản (4), Điều 24;

6. Người điều hành kinh doanh hệ thống cấp nước chung (bao gồm người được ủy quyền) hoặc người lắp đặt hệ thống cấp nước riêng, người sở hữu hoặc quản lý các tòa nhà hoặc công trình không thực hiện các biện pháp vệ sinh, gồm cả khử trùng, hoặc các biện pháp xử lý nước, vi phạm các

khoản từ (1) đến (3), Điều 33 (bao gồm các trường hợp áp dụng điều khoản này với những điều chỉnh thích hợp theo khoản (3) Điều 23 và Điều 53);

7. Người điều hành kinh doanh hệ thống cấp nước chung (gồm cả người được ủy quyền) hoặc người lắp đặt hệ thống cấp nước sử dụng riêng không kịp thời thông báo cho người dân biết tình hình sự cố cấp nước hoặc không tiến hành các biện pháp cần thiết, như kiểm định chất lượng nước và cung cấp nước trong tình huống khẩn cấp, vi phạm khoản (2), Điều 37 (áp dụng cả đối với các trường hợp áp theo khoản (3) Điều 23 và Điều 53).

8. Người điều hành đơn vị cấp nước không xin phép cơ quan thẩm quyền hoặc người sửa đổi nội dung giấy phép đã được cơ quan thẩm quyền cấp, vi phạm Điều 38 (áp dụng điều khoản này đối với các trường hợp quy định tại Điều 50).

9. Đơn vị kinh doanh hệ thống cấp nước không tuân thủ yêu cầu về cấp nước máy khẩn cấp theo khoản (1) Điều 41 (bao gồm cả các trường hợp quy định tại Điều 50);

10. Đơn vị kinh doanh hệ thống cấp nước chấm dứt hoặc dừng toàn bộ hoặc một phần hoạt động kinh doanh cấp nước khi chưa được cấp có thẩm quyền cho phép theo Điều 42 (áp dụng có điều chỉnh thích hợp đối với các trường hợp quy định tại Điều 50);

11. Đơn vị kinh doanh hệ thống cấp nước không tiến hành kiểm tra kỹ thuật hệ thống cấp nước theo khoản (1) Điều 74.

Điều 84 (Các chế tài xử phạt)

Những trường hợp như dưới đây sẽ bị phạt tiền đến 3 triệu uôn:

1. Đơn vị kinh doanh quản lý hệ thống đường ống cấp nước không nộp hồ sơ đăng ký kinh doanh vi phạm điểm 1, khoản (4) Điều 21 hoặc nộp hồ sơ đăng ký bằng cách gian lận hoặc các phương thức bất hợp pháp khác;

1-2. Đơn vị kinh doanh vệ sinh bể chứa nước không nộp báo cáo kế hoạch kinh doanh hoặc báo cáo sai sự thật, vi phạm khoản (1) Điều 34;

2. Đơn vị kinh doanh vệ sinh bể chứa nước vẫn tiếp tục hoạt động kinh doanh sau khi nhận được yêu cầu đóng cửa hoạt động kinh doanh vệ sinh bể chứa nước theo Điều 35;

3. Đã bãi bỏ

4. Đơn vị thực hiện các hoạt động (bao gồm cả người nhận ủy thác) được quy định tại khoản (1) Điều 61 nhưng chưa được cấp giấy phép hoặc

chưa được cơ quan thẩm quyền cho phép theo các khoản từ (2) đến (4) Điều 130 của Luật quy hoạch và sử dụng đất quốc gia với những điều chỉnh thích hợp được quy định tại khoản (2) Điều 61 (áp dụng cho cả các trường hợp theo khoản (3) Điều 23, Điều 53, Điều 54);

Điều 85 (Các chế tài xử phạt)

Những trường hợp như dưới đây sẽ bị phạt tiền đến 2 triệu uôn:

1. Đơn vị kinh doanh hệ thống cấp nước chung hoặc người lắp đặt các hệ thống cấp nước sử dụng riêng tiến hành cung cấp nước máy khi chưa kiểm định chất lượng nước, vi phạm khoản (2) Điều 19 (áp dụng với những điều chỉnh thích hợp đối với các trường hợp quy định tại Điều 53);

1-2. Đơn vị kinh doanh hệ thống cấp nước chung không báo cáo Trưởng văn phòng môi trường khu vực, vi phạm khoản (1) Điều 26-2;

2. Đã bãi bỏ;

3. Đơn vị kinh doanh hệ thống cấp nước chung không thông báo cho người dân biết chi tiết về việc vi phạm tiêu chuẩn chất lượng theo khoản (1) Điều 27;

4. Đơn vị kinh doanh hệ thống cấp nước chung (bao gồm cả đơn vị nhận ủy thác) không thực hiện yêu cầu về triển khai các biện pháp cần thiết, vi phạm khoản (8) Điều 28 (áp dụng với những điều chỉnh thích hợp đối với các trường hợp quy định tại khoản (3) Điều 23);

5. Đơn vị kinh doanh hệ thống cấp nước chung hoặc người lắp đặt các hệ thống cấp nước sử dụng riêng không thực hiện kiểm định chất lượng nước hoặc phân tích nguồn nước theo khoản (1) Điều 29 (áp dụng với những điều chỉnh thích hợp đối với các trường hợp quy định tại khoản (3) Điều 23 và Điều 53);

6. Đã bãi bỏ

7. Đơn vị kinh doanh hệ thống cấp nước chung (bao gồm cả đơn vị nhận ủy thác) hoặc người lắp đặt các hệ thống cấp nước sử dụng riêng không tổ chức khám sức khỏe theo khoản (1) Điều 32 (áp dụng với những điều chỉnh thích hợp đối với các trường hợp quy định tại khoản (3) Điều 23 và Điều 53);

8. Đơn vị kinh doanh hệ thống cấp nước chung hoặc người lắp đặt các hệ thống cấp nước sử dụng riêng cho phép người mắc các chứng bệnh có nguy cơ gây nguy hiểm cho người khác làm việc tại công trình cấp nước hoặc sinh sống gần khu vực có các công trình cấp nước, vi phạm khoản (2)

Điều 32 (áp dụng với những điều chỉnh thích hợp đối với các trường hợp quy định tại khoản (3) Điều 23 và Điều 53);

9. Đơn vị kinh doanh hệ thống cấp nước chung từ chối cung cấp nước máy mà không có lý do chính đáng, vi phạm khoản (1) Điều 39 (áp dụng với những điều chỉnh thích hợp đối với các trường hợp quy định tại Điều 50);

10. Đã bãi bỏ;

11. Người lắp đặt hệ thống cấp nước sử dụng riêng khi chưa được cấp giấy phép theo Điều 52 (áp dụng với những điều chỉnh thích hợp đối với các trường hợp quy định tại Điều 54)

12. Đơn vị kinh doanh hệ thống cấp nước không thực hiện yêu cầu của cơ quan thẩm quyền về điều chỉnh phương án kinh doanh, yêu cầu cải tiến công tác quản lý kinh doanh hoặc các yêu cầu khác, vi phạm quy định tại Điều 62;

13. Đơn vị kinh doanh hệ thống cấp nước hoặc người lắp đặt hệ thống cấp nước sử dụng riêng không thực hiện yêu cầu của cơ quan thẩm quyền về cải tạo các công trình cấp nước theo các khoản từ (1) đến (4) Điều 64.

Điều 86 (Chế tài xử phạt trách nhiệm liên đới)

Trường hợp người đại diện một công ty, hoặc một đại lý, nhân viên hoặc viên chức của công ty, hoặc một cá nhân vi phạm các điều từ Điều 81 đến Điều 85 liên quan đến hoạt động của công ty hoặc cá nhân, thì bên cạnh hình thức xử phạt người vi phạm, công ty hoặc cá nhân liên quan cũng sẽ bị xử phạt tương ứng. Tuy nhiên, việc xử phạt trách nhiệm liên đới không áp dụng đối với trường hợp công ty hoặc cá nhân đó không sơ suất trong việc quan tâm và giám sát thích hợp đối với các nhiệm vụ phòng ngừa các vi phạm đó.

Điều 87 (Xử phạt hành chính)

(1) Các trường hợp dưới đây sẽ bị xử phạt hành chính đến 10 triệu uôn:

1. Người vi phạm các vấn đề cần phải tuân thủ theo khoản (4) Điều 7-2;

2. Người từ chối, cản trở hoặc trốn tránh việc kiểm tra định kỳ hoặc kiểm tra đột xuất theo khoản (6) Điều 14.

(2) Các trường hợp dưới đây sẽ bị xử phạt hành chính đến 5 triệu uôn:

1. Người sản xuất, nhập khẩu, cung ứng, hoặc bán các sản phẩm v.v. khác với những sản phẩm đã được chứng nhận theo khoản (1) Điều 14;

2. Người không báo cáo kết quả v.v của việc thực hiện các biện pháp theo khuyến nghị hoặc yêu cầu thực hiện thu hồi v.v. theo khoản (2) Điều 14-5 hoặc khoản (2) Điều 14-6;

3. Người từ chối, cản trở hoặc trốn tránh việc kiểm tra tại chỗ theo Điều 14-7 hoặc không cung cấp dữ liệu (bao gồm cả người cung cấp dữ liệu sai);

4. Người công bố sai mức độ tiết kiệm nước theo khoản (4) Điều 15;

(3) Các trường hợp sẽ bị xử phạt hành chính đến 3 triệu uôn:

1. Đã bãi bỏ;

2. Người không in tem nhãn thể hiện giấy chứng nhận được cấp, vi phạm khoản (4) Điều 14 hoặc in tem nhãn chứng nhận khác với những nội dung được chứng nhận;

3. Người không lắp đặt thiết bị hoặc phụ kiện tiết kiệm nước, vi phạm khoản (1) hoặc khoản (2) Điều 15;

3-2. Người không dán nhãn mức độ sử dụng nước trên thiết bị sử dụng nước, vi phạm Điều 16, hoặc dán nhãn giả về mức độ sử dụng nước;

3-3. Đơn vị kinh doanh hệ thống cấp nước hoặc người lắp đặt hệ thống cấp nước sử dụng riêng không bổ nhiệm người quản lý hệ thống cấp nước, vi phạm khoản (6) Điều 21 (Áp dụng cả với các trường hợp quy định tại Điều 50, 53 và 54);

4. Đơn vị kinh doanh hệ thống cấp nước không báo cáo việc ký kết hợp đồng ủy thác, vi phạm khoản (2) Điều 23 (áp dụng cả đối với các trường hợp quy định tại Điều 50);

4-2. Đơn vị kinh doanh hệ thống cấp nước chung (bao gồm cả đơn vị nhận ủy thác) vi phạm các khoản (4), (5), (6) hoặc (7) Điều 28 (áp dụng cho cả các trường hợp quy định tại khoản (3) Điều 23);

4-3. Đơn vị kinh doanh hệ thống cấp nước chung (bao gồm cả đơn vị nhận ủy thác) không tiến hành kiểm tra thực tế về sự lây lan các vi khuẩn gây bệnh, vi phạm khoản (1) Điều 28-2 (áp dụng cho cả các trường hợp quy định tại khoản (3) Điều 23);

5. Đơn vị kinh doanh hệ thống cấp nước chung không báo cáo về chất lượng nước máy, vi phạm khoản (1) Điều 31;

6. Đơn vị kinh doanh hệ thống cấp nước chung không lắp đặt vòi chữa cháy cho các công trình cấp nước, vi phạm Điều 45 (áp dụng cho cả các trường hợp quy định tại Điều 50);

7. Người có hành vi cản trở hoặc từ chối mà không có lý do chính đáng đối với quyền tiếp cận đất cần thiết cho việc thi công hệ thống cấp nước hoặc kiểm tra các công trình cấp nước theo khoản (1) Điều 61;

8. Người không tuân thủ các vấn đề cần tuân thủ theo khoản (4) Điều 74;

9. Người không gửi dữ liệu cần thiết cho việc đánh giá mà không có lý do chính đáng, vi phạm khoản (2) Điều 74-2.

(4) Các trường hợp dưới đây sẽ bị xử phạt hành chính đến 01 triệu uôn:

1. Người không nộp báo cáo, vi phạm khoản (4) Điều 7;

2. Người không thực hiện yêu cầu của Thị trưởng thành phố tự trị đặc biệt, Tỉnh trưởng tỉnh tự trị đặc biệt, hoặc người đứng đầu thành phố/quận/huyện theo khoản (3) Điều 15;

3. Đã bãi bỏ;

4. Đơn vị kinh doanh hệ thống cấp nước chung (bao gồm cả đơn vị nhận ủy thác) không lưu giữ và bảo quản hồ sơ kiểm định chất lượng nước và phân tích nguồn nước hoặc không công khai kết quả kiểm định và phân tích liên quan trên trang Web của đơn vị, ... hoặc người lắp đặt hệ thống cấp nước sử dụng riêng không lưu giữ và bảo quản hồ sơ kiểm định chất lượng nước, phân tích nguồn nước, vi phạm khoản (3) Điều 29 (áp dụng cả đối với các trường hợp quy định tại khoản (3) Điều 23 và Điều 53);

5. Đơn vị kinh doanh hệ thống cấp nước chung (bao gồm cả đơn vị nhận ủy thác) hoặc người lắp đặt hệ thống cấp nước sử dụng riêng không chuẩn bị và lưu giữ hồ sơ khám sức khỏe, vi phạm khoản (3) Điều 32 (áp dụng cho cả các trường hợp quy định tại khoản (3) Điều 23 và Điều 53);

6. Đơn vị chấm dứt hoặc dừng hoạt động kinh doanh mà không báo cáo cơ quan thẩm quyền, vi phạm khoản (3) Điều 34;

7. Những người dưới đây không qua các khóa đào tạo về quản lý hệ thống cấp nước hoặc không cử người khác tham gia các khóa đào tạo về

quản lý hệ thống cấp nước, vi phạm Điều 36 (áp dụng cả đối với các trường hợp quy định tại khoản (3) Điều 23)

(a) Chủ sở hữu hoặc người quản lý các tòa nhà hoặc công trình;

(b) Người quản lý đơn vị kinh doanh vệ sinh bể chứa nước;

(c) Người quản lý đơn vị kinh doanh hệ thống cấp nước chung (bao gồm cả người nhận ủy thác)

(d) Người quản lý đơn vị chịu trách nhiệm quản lý hệ thống đường ống cấp nước.

8. Người quản lý đơn vị kinh doanh hệ thống cấp nước không thông báo công khai trước về khu vực và thời gian dừng cung cấp nước máy, vi phạm khoản (2) Điều 39 (áp dụng cả đối với các trường hợp quy định tại Điều 50);

9. Người quản lý đơn vị kinh doanh hệ thống cấp nước hoặc người lắp đặt hệ thống cấp nước sử dụng riêng từ chối hoặc can thiệp hoặc cản trở việc kiểm tra hoặc không nộp báo cáo theo quy định tại khoản (1) Điều 66.

(5) Việc xử phạt hành chính theo các khoản từ (1) đến (4) do Bộ trưởng Bộ Môi trường, Thị trưởng/Tỉnh trưởng hoặc người đứng đầu thành phố/huyện/quận quyết định và thực hiện theo quy định tại Nghị định của Tổng thống.

PHỤ LỤC

LUẬT SỐ 17326, NGÀY 26 THÁNG 5 NĂM 2020

Điều 1. (Ngày có hiệu lực)

Luật này có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 5 năm 2020.

* * *

Nguồn tài liệu: Water supply and waterworks installation Act

(bản tiếng Anh) - <https://www.law.go.kr>

Người dịch: Bạch Minh Tuấn

Trung tâm Thông tin – Bộ Xây dựng, tháng 8/2022